

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, việc quản lý và sử dụng vốn là một khâu quan trọng có ảnh hưởng tới việc phát triển hay suy thoái của doanh nghiệp.

Chính vì vậy kế toán vốn bằng tiền rất quan trọng và trở nên là công cụ không thể thiếu được trong quản lý kinh tế của Nhà nước và của doanh nghiệp. Bởi vì thông qua thu chi cho phép đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nó quyết định sự sống còn của doanh nghiệp. Trong thực tế chúng ta không chỉ có và sử dụng vốn mà điều quan trọng là phải bảo toàn, phát triển và sử dụng vốn có hiệu quả.

Nắm bắt được vấn đề trên, trong thời gian thực tập tại Xí nghiệp 7- Công ty xây dựng 319 em đã đi sâu tìm hiểu công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp . Từ thực trạng tại Xí nghiệp và những gì em đã được học ở trường cùng với sự giúp đỡ nhiệt tình của cô giáo- Thạc sĩ Nguyễn thị Mai Linh em đã chọn đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp 7- Công ty xây dựng 319” cho luận văn tốt nghiệp của mình.

Kết cấu luận văn ngoài phần mở đầu và kết luận thì bài gồm ba phần:

Chương 1: Cơ sở lý luận về công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp 7- Công ty xây dựng 319.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp 7- Công ty xây dựng 319.

Do thời gian và năng lực còn hạn chế nên bài luận văn của em không thể tránh khỏi những thiếu sót về cả nội dung và hình thức thể hiện, vì vậy em rất mong nhận được sự góp ý của thầy cô.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên: Nguyễn Công Long

CHƯƠNG I:
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC
KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:

1.1.1. Khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ hạch toán vốn bằng tiền:

1.1.1.1. Khái niệm vốn bằng tiền:

Trong nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, bất kỳ doanh nghiệp nào dù lớn hay nhỏ khi bước vào hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhất thiết cần một lượng vốn nhất định, trên cơ sở tạo lập vốn kinh doanh của doanh nghiệp, dùng nó vào việc mua sắm tài sản cần thiết phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, mỗi giai đoạn vận động vốn không ngừng biến đổi cả về hình thái biểu hiện lẫn quy mô. Quá trình vận động liên tục của vốn kinh doanh theo chu kỳ T-H-T, trong quá trình đó luôn có một bộ phận dừng lại ở trạng thái tiền tệ, bộ phận này gọi là vốn bằng tiền.

Vốn bằng tiền là một bộ phận của tài sản lưu động tồn tại trực tiếp dưới hình thái giá trị, vốn bằng tiền bao gồm : tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển. Với tính linh hoạt cao nhất, vốn bằng tiền được dùng để áp dụng cho nhu cầu thanh toán, thực hiện việc mua sắm hoặc chi phí sản xuất của doanh nghiệp, nhằm đảm bảo cho quá trình tái sản xuất của doanh nghiệp được thực hiện thường xuyên, liên tục.

1.1.1.2. Ý nghĩa và nhiệm vụ hạch toán vốn bằng tiền:

Trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, việc quản lý và sử dụng vốn là một khâu quan trọng có tính quyết định tới mức độ tăng trưởng hay suy thoái của doanh nghiệp. Vốn bằng tiền là đối tượng có khả năng phát sinh rủi ro hơn các loại tài sản khác, vì vậy nó cần được quản lý chặt chẽ, thường xuyên kiểm tra kiểm soát các khoản thu chi bằng tiền là rất cần thiết. Trong quản lý người ta sử dụng nhiều công cụ quản lý khác nhau như thống kê, phân tích các hoạt động

kinh tế nhưng kế toán luôn được coi là công cụ quản lý kinh tế quan trọng nhất. Với chức năng ghi chép, tính toán, phản ánh giám sát thường xuyên liên tục sự biến động của vật tư, tiền vốn, bằng các thước đo giá trị và hiện vật, kế toán cung cấp các tài liệu cần thiết về thu chi vốn bằng tiền đáp ứng yêu cầu quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các thông tin kinh tế tài chính do kế toán cung cấp giúp cho chủ doanh nghiệp và những người quản lý doanh nghiệp nắm vững tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc sử dụng vốn để từ đó thấy được mặt mạnh, mặt yếu để có những quyết định và chỉ đạo sao cho quá trình sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

Để thực hiện tốt việc quản lý vốn bằng tiền với vai trò công cụ quản lý kinh tế kế toán vốn bằng tiền cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh kịp thời tình hình thu, chi tồn quỹ vốn bằng tiền và tình hình chấp hành định mức tồn quỹ tiền mặt. Thường xuyên đối chiếu tiền mặt tồn quỹ thực tế với sổ sách. Kiểm tra giám sát chặt chẽ việc chấp hành chế độ thu chi và quản lý nghiêm ngặt việc sử dụng các loại vốn bằng tiền.
- Phản ánh tình hình tăng, giảm và số dư tài khoản ngân hàng, hàng ngày giám đốc việc chấp hành chế độ thanh toán không dùng tiền mặt.
- Phản ánh các khoản tiền đang chuyển kịp thời, phát hiện nguyên nhân làm cho tiền đang chuyển bị ách tắc để doanh nghiệp có biện pháp kịp thời và thích hợp giải phóng tiền đang chuyển.
- Phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời tình hình các loại vàng bạc, kim khí, đá quý và ngoại tệ.
- Giám sát việc chấp hành chế độ quy định về quản lý các loại vốn bằng tiền, đảm bảo chi tiêu tiết kiệm và có hiệu quả cao.
- Tổ chức thực hiện các quy định về chứng từ thủ tục hạch toán vốn bằng tiền.

1.1.2. Những yêu cầu cơ bản để quản lý nội bộ vốn bằng tiền:

Vốn bằng tiền là loại vốn đòi hỏi doanh nghiệp phải quản lý hết sức chặt chẽ vì vốn bằng tiền có tính luân chuyển cao nên nó là đối tượng của sự gian lận. Vì

thể trong quá trình hạch toán vốn bằng tiền, các thủ tục nhằm bảo vệ vốn bằng tiền khỏi việc bị lạm dụng là rất quan trọng, nó đòi hỏi việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc chế độ quản lý tiền tệ thống nhất của Nhà nước.

Do vậy, việc sử dụng vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc, chế độ quản lý chặt chẽ và kế hoạch bảo đảm tốt các yêu cầu sau:

- Mọi biến động của vốn bằng tiền phải làm đầy đủ thủ tục là phải có chứng từ gốc hợp lệ.

- Việc sử dụng chi tiêu vốn bằng tiền phải đúng mục đích, đúng chế độ.

1.1.3. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền:

Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng khác.

Theo chuẩn mực số 10- Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, (Ban hành và công bố theo Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) quy định và hướng dẫn các nguyên tắc và phương pháp kế toán những ảnh hưởng do thay đổi tỷ giá hối đoái trong trường hợp doanh nghiệp có các giao dịch bằng ngoại tệ hoặc có các hoạt động ở nước ngoài.

Các giao dịch bằng ngoại tệ:

Một giao dịch bằng ngoại tệ là giao dịch được xác định bằng ngoại tệ hoặc yêu cầu thanh toán bằng ngoại tệ, bao gồm các giao dịch phát sinh khi một doanh nghiệp:

- Mua hoặc bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mà giá cả được xác định bằng ngoại tệ;

- Vay hoặc cho vay các khoản tiền mà số phải trả hoặc phải thu được xác định bằng ngoại tệ;

- Trở thành một đối tác (một bên) của một hợp đồng ngoại hối chưa được thực hiện;

- Mua hoặc thanh lý các tài sản; phát sinh hoặc thanh toán các khoản nợ xác định bằng ngoại tệ;

- Dùng một loại tiền tệ này để mua, bán hoặc đổi lấy một loại tiền tệ khác.

Một giao dịch bằng ngoại tệ phải được hạch toán và ghi nhận ban đầu theo đơn vị tiền tệ kế toán bằng việc áp dụng tỷ giá hối đoái giữa đơn vị tiền tệ kế toán và ngoại tệ tại ngày giao dịch.

Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch được coi là tỷ giá giao ngay. Doanh nghiệp có thể sử dụng tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch. Ví dụ tỷ giá trung bình tuần hoặc tháng có thể được sử dụng cho tất cả các giao dịch phát sinh của mỗi loại ngoại tệ trong tuần, tháng đó. Nếu tỷ giá hối đoái giao động mạnh thì doanh nghiệp không được sử dụng tỷ giá trung bình cho việc kế toán của tuần hoặc tháng kế toán đó.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ hoặc trong việc báo cáo các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của một doanh nghiệp theo các tỷ giá hối đoái khác với tỷ giá hối đoái đã được ghi nhận ban đầu, hoặc đã được báo cáo trong báo cáo tài chính trước, được xử lý như sau:

- Trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp mới thành lập, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính được phản ánh lũy kế, riêng biệt trên Bảng Cân đối kế toán. Khi TSCĐ hoàn thành đầu tư xây dựng đưa vào sử dụng thì chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng được phân bổ dần vào thu nhập hoặc chi phí sản xuất, kinh doanh trong thời gian tối đa là 5 năm.

- Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh, kể cả việc đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp đang hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm tài chính sẽ được ghi nhận là thu nhập, hoặc chi phí trong năm tài chính.

- Đối với doanh nghiệp sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái thì các khoản vay, nợ phải trả có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại

thời điểm phát sinh. Doanh nghiệp không được đánh giá lại các khoản vay, nợ phải trả có gốc ngoại tệ đã sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh được ghi nhận khi có sự thay đổi tỷ giá hối đoái giữa ngày giao dịch và ngày thanh toán của mọi khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Khi giao dịch phát sinh và được thanh toán trong cùng kỳ kế toán, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được hạch toán trong kỳ đó. Nếu giao dịch được thanh toán ở các kỳ kế toán sau, chênh lệch tỷ giá hối đoái được tính theo sự thay đổi của tỷ giá hối đoái trong từng kỳ cho đến kỳ giao dịch đó được thanh toán.

Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc gửi vào Ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch (tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế, hoặc theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.

- Trường hợp mua ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt, gửi vào Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán. Bên có các TK 1112, 1122 được quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá trên sổ kế toán TK 1112 hoặc TK 1122 theo một trong các phương pháp Bình quân gia quyền, Nhập trước xuất trước, Nhập sau xuất trước, Giá thực tế đích danh (như một loại hàng hóa đặc biệt)
- Nhóm Tài khoản vốn bằng tiền có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam, đồng thời phải hạch toán chi tiết ngoại tệ theo nguyên tệ. Nếu có chênh lệch tỷ giá hối đoái thì phải phản ánh số chênh lệch này trên các TK doanh thu, chi phí tài chính) nếu phát sinh trong giai đoạn SXKD, kể cả doanh nghiệp có hoạt động đầu tư XDCB) hoặc phản ánh vào TK 413 (nếu phát sinh trong giai đoạn đầu tư XDCB – giai đoạn trước hoạt động). Số dư cuối kỳ của các tài khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên Ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố ở thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

- Ngoại tệ được kế toán chi tiết theo từng nguyên tệ trên tài khoản 007 – “Ngoại tệ các loại “ (Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán).
- Đối với vàng bạc, kim khí đá quý phản ánh ở nhóm tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng bạc, kim khí, đá quý.
- Vàng bạc, kim khí, đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách, phẩm chất và giá trị của từng loại. Giá trị vàng bạc, kim khí đá quý được tính theo giá trị thực tế (giá hóa đơn hoặc giá được thanh toán) khi tính giá xuất vàng bạc, kim khí đá quý có thể áp dụng 1 trong 4 phương pháp tính giá hàng tồn kho.
 - Bình quân gia quyền.
 - Nhập trước xuất trước.
 - Nhập sau xuất trước.
 - Thực tế đích danh.

1.2. Tổ chức kế toán tiền mặt tại quỹ:

1.2.1. Nguyên tắc quản lý tiền mặt tại quỹ:

Mỗi doanh nghiệp đều có một lượng tiền mặt tại quỹ để phục vụ cho nhu cầu chi tiêu trực tiếp hàng ngày trong sản xuất kinh doanh. Thông thường tiền giữ tại doanh nghiệp bao gồm: giấy bạc ngân hàng Việt Nam, các loại ngoại tệ, ngân phiếu, vàng bạc, kim loại quý đá quý ...

Để hạch toán chính xác tiền mặt, tiền mặt của doanh nghiệp được tập trung tại quỹ. Mọi nghiệp vụ có liên quan đến thu, chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện.

1.2.2. Chứng từ sử dụng:

Bao gồm phiếu thu tiền mặt, phiếu chi tiền mặt, biên lai thu tiền, bảng kê vàng bạc đá quý, biên bản kiểm kê quỹ...

- Phiếu thu (Mã số 01-TT)
- Phiếu chi (Mã số 02-TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mã số 03-TT)
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng (Mã số 04-TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (Mã số 05-TT)

- Biên lai thu tiền (Mã số 06-TT)
- Bảng kê vàng bạc, kim khí, đá quý (Mã số 07-TT)
- Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho VNĐ) (Mã số 08a-TT)
- Bảng kiểm kê quỹ (dùng cho ngoại tệ, vàng bạc, kim khí, đá quý)(Mã số 08b- TT).
- Bảng kê chi tiền (Mã số 09-TT)

1.2.3. Tài khoản sử dụng:

Kế toán tổng hợp sử dụng TK111 “ Tiền mặt “ để phản ánh số hiện có và tình hình thu, chi tiền mặt tại quỹ.

- *Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 111 “ Tiền mặt “*

Bên *Nợ* : Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ.

Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.

Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ).

Bên *Có*: Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ.

Số tiền mặt, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.

Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ)

Số dư bên *Nợ* : Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý còn tồn quỹ tiền mặt.

- *TK111 – Tiền mặt, có 3 tài khoản cấp 2:*

TK1111 – Tiền Việt Nam: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.

TK1112 – Ngoại tệ : Phản ánh tình hình thu, chi tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra đồng Việt Nam.

TK1113 - Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý: Phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập, xuất, tồn quỹ.

1.2.4. Phương pháp hạch toán:

Tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp bao gồm: Tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, đá quý. Mọi nghiệp vụ thu chi bằng tiền mặt và bảo quản tiền mặt tại quỹ do thủ quỹ của doanh nghiệp thực hiện.

Hạch toán tiền mặt Việt Nam đồng phải tuân thủ theo các nguyên tắc, các chế độ quản lý, lưu thông tiền tệ hiện hành, đồng thời phải tôn trọng các quy định sau:

- Nguyên tắc tiền tệ thống nhất: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kế toán sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là “đồng” Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để phản ánh (VNĐ)

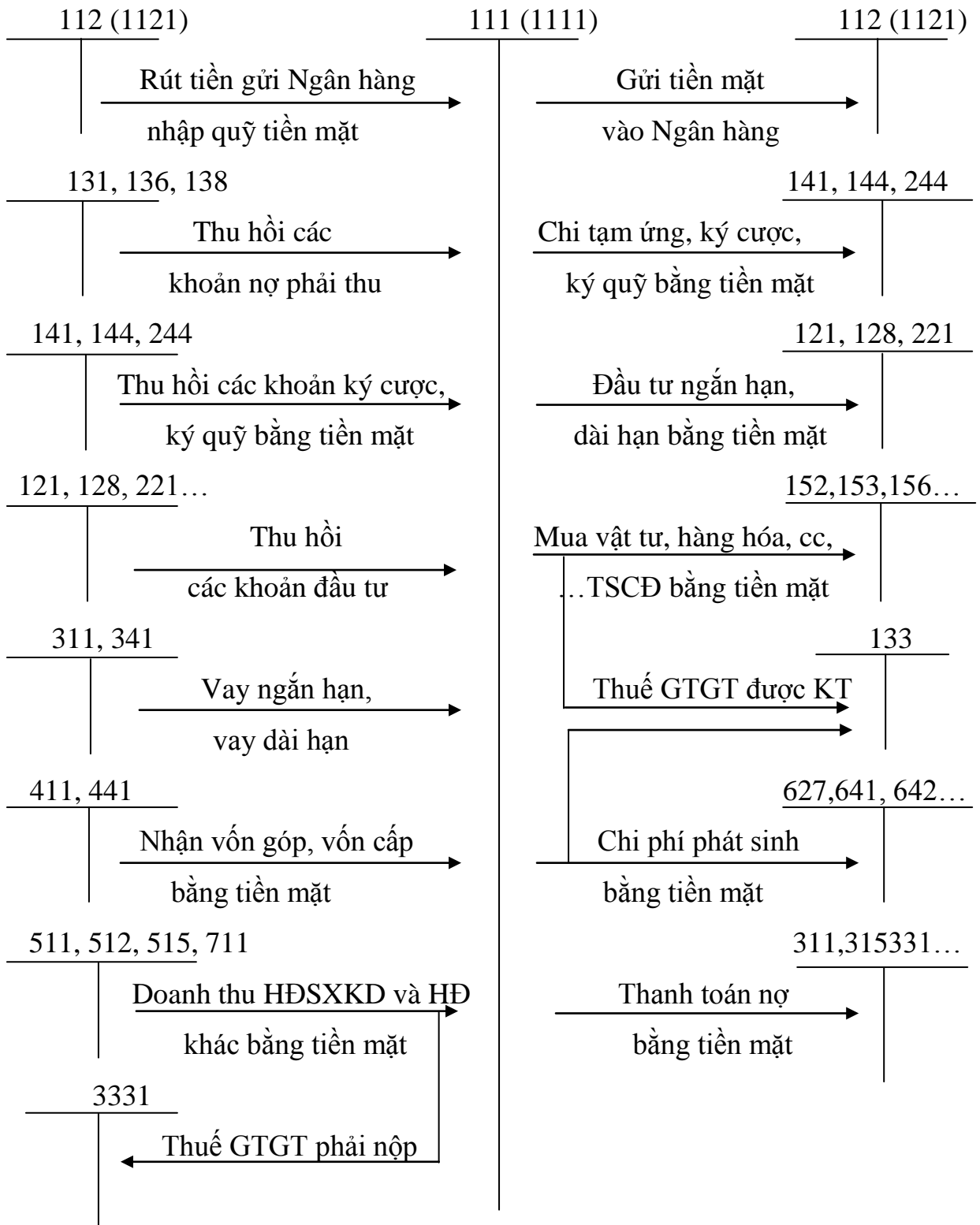
- Nguyên tắc cập nhật: kế toán phản ánh kịp thời chính xác tình hình thu, chi và số tiền Việt Nam đồng hiện có tại quỹ.

1.2.4.1. Kế toán tiền mặt bằng tiền Việt Nam:

- Chỉ phản ánh vào TK 1111- tiền Việt Nam số tiền mặt thực tế nhập, xuất quỹ tiền mặt. Đối với khoản tiền thu được chuyển nộp ngay vào ngân hàng (không qua quỹ tiền mặt của doanh nghiệp mà chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng) thì không ghi vào bên nợ TK1111 mà ghi vào bên nợ TK113- tiền đang chuyển.
- Các khoản tiền do doanh nghiệp khác hoặc cá nhân ký cược, ký quỹ tại doanh nghiệp được quản lý và hạch toán như các loại tài khoản bằng tiền khác của doanh nghiệp.
- Khi tiến hành nhập xuất quỹ tiền mặt phải có phiếu thu, phiếu chi và đầy đủ chữ ký của người nhận tiền, người giao tiền và người cho phép nhận xuất quỹ theo quy định của chế độ chứng từ kế toán. Một số trường hợp đặc biệt phải có lệnh nhập quỹ, xuất quỹ đính kèm.
- Kế toán quỹ tiền mặt phải có trách nhiệm mở sổ quỹ kế toán tiền mặt, ghi chép hàng ngày, liên tục theo trình tự phát sinh các khoản thu, chi, nhập, xuất quỹ tiền mặt, ngoại tệ và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm.
- Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu giữa sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, thủ quỹ và kế toán phải kiểm tra để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

Kế toán tiền mặt bằng tiền Việt Nam được thể hiện qua sơ đồ 1.1 như sau:

Sơ đồ 1.1. Kế toán tiền mặt (VNĐ)



1.2.4.2. Kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ.

Đối với ngoại tệ, ngoài việc quy đổi ra đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi ngoại tệ trên tài khoản 007 “Ngoại tệ các loại”.

Theo quy định của chuẩn mực 10 thì một giao dịch bằng ngoại tệ là một giao dịch được xác định bằng ngoại tệ hoặc yêu cầu thanh toán bằng ngoại tệ, bao gồm các giao dịch phát sinh khi một doanh nghiệp:

- Mua hoặc bán sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ mà giá cả được xác định bằng ngoại tệ;
- Vay hoặc cho vay các khoản tiền mà nợ phải trả hoặc phải thu được xác định bằng ngoại tệ;
- Trở thành một đối tác (một bên) của một hợp đồng ngoại hối chưa thực hiện (chẳng hạn doanh nghiệp A ký hợp đồng mua ngoại tệ với một ngân hàng B với mức giá cố định tại thời điểm ký hợp đồng nhưng ba tháng nữa mới thanh toán ngoại tệ, tại ngày mua giá ngoại tệ thực tế giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng sẽ khác dẫn đến phát sinh chênh lệch tỷ giá);
- Mua hoặc thanh lý các tài sản; phát sinh hoặc thanh toán các khoản nợ xác định bằng ngoại tệ;
- Dùng một loại tiền này để mua, bán hoặc để đổi lấy một loại tiền khác.

Một giao dịch bằng ngoại tệ phải được hạch toán và ghi nhận ban đầu theo đơn vị tiền tệ kế toán bằng việc áp dụng tỷ giá hối đoái giữa đơn vị tiền tệ kế toán và ngoại tệ tại ngày giao dịch. Cụ thể:

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ có liên quan đến các TK tài sản, TK phản ánh doanh thu, chi phí, vốn chủ sở hữu (các khoản mục phi tiền tệ) ... thì luôn được quy đổi ngoại tệ ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch (có thể là tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ hoặc có thể là tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước công bố) để ghi sổ kế toán.

Đối với các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ có liên quan đến các TK vốn bằng tiền, nợ phải thu, nợ phải trả (các khoản mục tiền tệ) thì:

- Các giao dịch làm tăng vốn bằng tiền, nợ phải thu, nợ phải trả được quy đổi ngoại tệ ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch để ghi sổ kế toán.

- Các giao dịch làm giảm vốn bằng tiền, nợ phải thu, nợ phải trả được quy đổi ngoại tệ ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá ghi sổ (trước đây) để ghi sổ kế toán. Tỷ giá ghi sổ được xác định theo một trong 4 phương pháp là phương pháp đích danh, phương pháp bình quân gia quyền, phương pháp nhập trước xuất trước, phương pháp nhập sau xuất trước

- Trường hợp mua, bán ngoại tệ bằng đơn vị tiền tệ kế toán (Đồng Việt Nam) thì được hạch toán theo tỷ giá thực tế mua hoặc thực tế bán.

Cuối niên độ kế toán (tại ngày lập bảng cân đối kế toán) các khoản mục tiền tệ phải được báo cáo theo tỷ giá cuối kỳ, đó là tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm cuối năm.

Như vậy, khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chủ yếu phát sinh trong các trường hợp gồm: Chênh lệch tỷ giá hối đoái do thực tế mua bán, trao đổi, thanh toán các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (chênh lệch tỷ giá thực hiện) và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện).

Chênh lệch tỷ giá hối đoái ở các doanh nghiệp được chia thành C: chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản để hình thành tài sản cố định (giai đoạn trước hoạt động) và chênh lệch tỷ giá hối đoái của giai đoạn sản xuất kinh doanh, kể cả của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của doanh nghiệp vừa kinh doanh vừa có hoạt động đầu tư XD CB.

➤ Kết cấu tài khoản 007 - Ngoại tệ các loại

- Bên Nợ : Ngoại tệ tăng trong kỳ.
- Bên Có : Ngoại tệ giảm trong kỳ.
- Dư Nợ : Ngoại tệ hiện có.

➤ Kết cấu tài khoản 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái

• Bên Nợ :

- Chênh lệch tỷ giá giảm của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hoá, nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

- Chênh lệch tỷ giá tăng của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

- Xử lý chênh lệch tỷ giá.

• Bên Có :

- Chênh lệch tỷ giá tăng của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hoá và nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

- Chênh lệch tỷ giá giảm của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

- Xử lý chênh lệch tỷ giá.

• Tài khoản này cuối kỳ có thể dư Có hoặc dư Nợ.

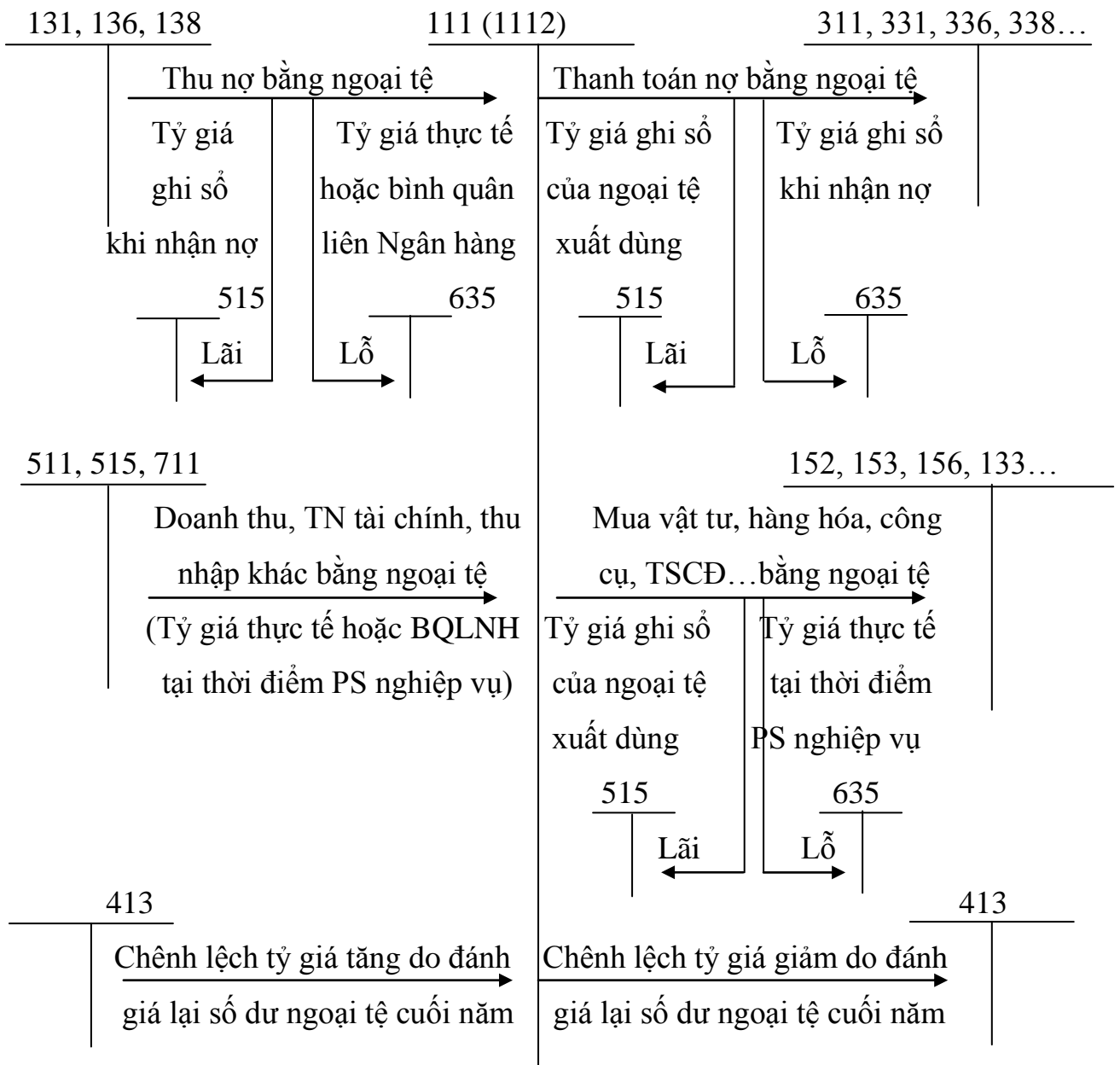
- Dư Nợ : Chênh lệch tỷ giá cần phải được xử lý.

- Dư Có : Chênh lệch tỷ giá còn lại.

Số chênh lệch tỷ giá trên TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái chỉ được xử lý (ghi tăng hoặc giảm vốn kinh doanh, hạch toán vào lãi hoặc lỗ) khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ được thể hiện qua sơ đồ 1.2 như sau:

Sơ đồ 1.2. Kế toán tiền mặt (Ngoại tệ)



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 - Ngoại tệ các loại.

007	
Thu nợ bằng ngoại tệ - Doanh thu, TN tài chính, TN khác bằng ngoại tệ	Thanh toán nợ bằng ngoại tệ - Mua vật tư, hàng hóa, công cụ, TSCĐ... bằng ngoại tệ

1.2.4.3. Kế toán tiền mặt bằng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.

Khi có nghiệp vụ phát sinh liên quan đến vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thì doanh nghiệp phản ánh vào TK 111 (1113). Do vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có giá trị cao nên khi mua cần có đầy đủ các thông tin như: ngày mua, mẫu mã, độ tuổi, giá thanh toán...

- Đối với vàng bạc, kim khí, đá quý phản ánh ở tài khoản tiền mặt chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng bạc, kim khí, đá quý.

- Khi phát sinh nghiệp vụ có vàng bạc, kim khí, đá quý nhập quỹ tiền mặt thì ghi sổ theo giá mua thực tế (giá hoá đơn hoặc giá được thanh toán).

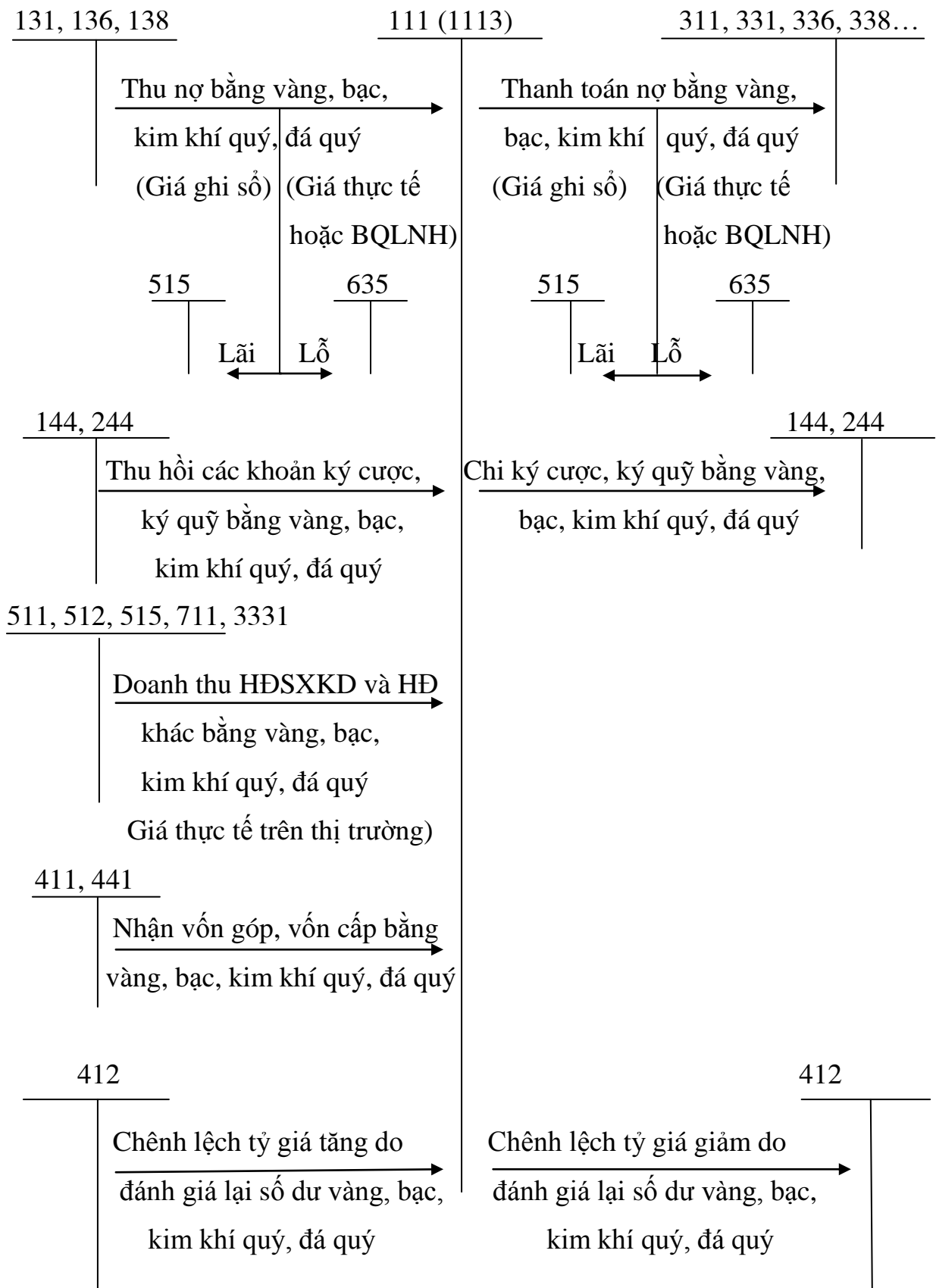
- Khi xuất vàng bạc, kim khí, đá quý có thể tính giá bình quân hoặc giá thực tế đích danh. Tuy nhiên do vàng bạc, kim khí, đá quý là loại tài sản có giá trị lớn và mang tính tách biệt nên phương pháp tính giá thực tế đích danh thường được sử dụng.

- Nếu có chênh lệch giữa giá xuất và giá thanh toán tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ thì được phản ánh vào TK 711: Thu nhập khác hoặc TK 811: Chi phí khác.

- Riêng vàng bạc, kim khí, đá quý nhận ký cược, ký quỹ nhập theo giá nào thì khi xuất hoàn trả lại phải theo giá đó và phải đếm số lượng, cân trọng lượng và giám định chất lượng trước khi niêm phong.

Kế toán tiền mặt bằng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý. được thể hiện qua sơ đồ 1.3 như sau:

Sơ đồ 1.3: Kế toán vàng bạc, kim khí quý, đá quý



1.3. Tổ chức kế toán tiền gửi ngân hàng:

1.3.1. Một số quy định trong việc hạch toán tiền gửi ngân hàng:

Trong quá trình sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp thường phát sinh các nghiệp vụ thanh toán giữa doanh nghiệp này với doanh nghiệp khác, các nhà cung ứng vật tư, hàng hoá, với Ngân hàng và các tổ chức khác ngoài Ngân hàng như các tổ chức kinh tế quốc doanh.

Tiền của các doanh nghiệp phần lớn được gửi ở các Ngân hàng, kho bạc hoặc các Công ty tài chính để thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt. Khi có nhu cầu thanh toán một khoản chi phí nào bằng tiền gửi Ngân hàng, Công ty phải thực hiện thủ tục rút tiền hoặc chuyển tiền. Nhiệm vụ này do kế toán thanh toán với ngân hàng đảm nhiệm. Số lãi thu được từ khoản tiền gửi Ngân hàng được hạch toán vào thu nhập hoạt động từ hoạt động tài chính.

Khi nhận được chứng từ do ngân hàng gửi đến, kế toán tiền gửi ngân hàng của Công ty tiến hành kiểm tra đối chiếu với các chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa sổ sách của Công ty với chứng từ của Ngân hàng gửi đến thì kế toán tiền gửi Ngân hàng phải thông báo với Ngân hàng để kịp thời xác minh đối chiếu và xử lý. Nếu số liệu hai bên đã cân đối kế toán tiền gửi hạch toán chi tiết trên sổ tiền gửi Ngân hàng để theo dõi cho từng nghiệp vụ phát sinh.

Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ kế toán của đơn vị, số liệu ở chứng từ gốc với số liệu trên chứng từ của Ngân hàng thì đơn vị phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời. Cuối tháng, chưa xác định được nguyên nhân chênh lệch thì kế toán ghi sổ theo số liệu của Ngân hàng trên giấy báo Nợ, báo Có hoặc báo sao kê. Số chênh lệch (nếu có) ghi vào bên Nợ TK 138 - Phải thu khác (1388) (nếu số liệu của kế toán lớn hơn số liệu của Ngân hàng) hoặc được ghi vào bên Có TK 338 - Phải trả, phải nộp khác (3388) (nếu số liệu của kế toán nhỏ hơn số liệu của Ngân hàng). Sang tháng sau, tiếp tục kiểm tra, đối chiếu, xác định nguyên nhân để điều chỉnh số liệu ghi sổ.

Tại những đơn vị có những tổ chức, bộ phận phụ thuộc, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi, mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho công tác giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở sổ chi tiết theo từng loại tiền gửi (tiền Đồng Việt nam, ngoại tệ các loại)

Phải tổ chức hạch toán chi tiết theo từng ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

1.3.2. Chứng từ sử dụng:

Căn cứ để hạch toán tiền gửi Ngân hàng là:

- Ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có
- Bản sao kê
- Sổ phụ tài khoản
- Hoá đơn giá trị tăng của hàng hoá dịch vụ mua vào bán ra

1.3.3. Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng TK 112 - Tiền gửi ngân hàng. Tài khoản 112 dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động các khoản tiền gửi của DN tại các ngân hàng và các Công ty tài chính. Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 112

Bên Nợ:

- Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính tăng trong kỳ
- Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ tăng (đối với tiền gửi ngoại tệ).

Bên Có:

- Các khoản tiền gửi ở Ngân hàng và các tổ chức tài chính giảm trong kỳ
- Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ giảm (đối với tiền gửi ngoại tệ).

Số dư bên Nợ: Số dư các khoản tiền gửi ở Ngân hàng, các tổ chức tài chính hiện còn cuối kỳ

Tài khoản 112 - Tiền gửi ngân hàng, có 3 tài khoản cấp hai:

- TK 1121 - Tiền Việt Nam
- TK 1122 - Ngoại tệ
- TK 1123 - Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý

1.3.4. Phương pháp hạch toán:

1.3.4.1. Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam Đồng

Kế toán tiền gửi Ngân hàng được thể hiện qua sơ đồ sau: (Sơ đồ 1.4)

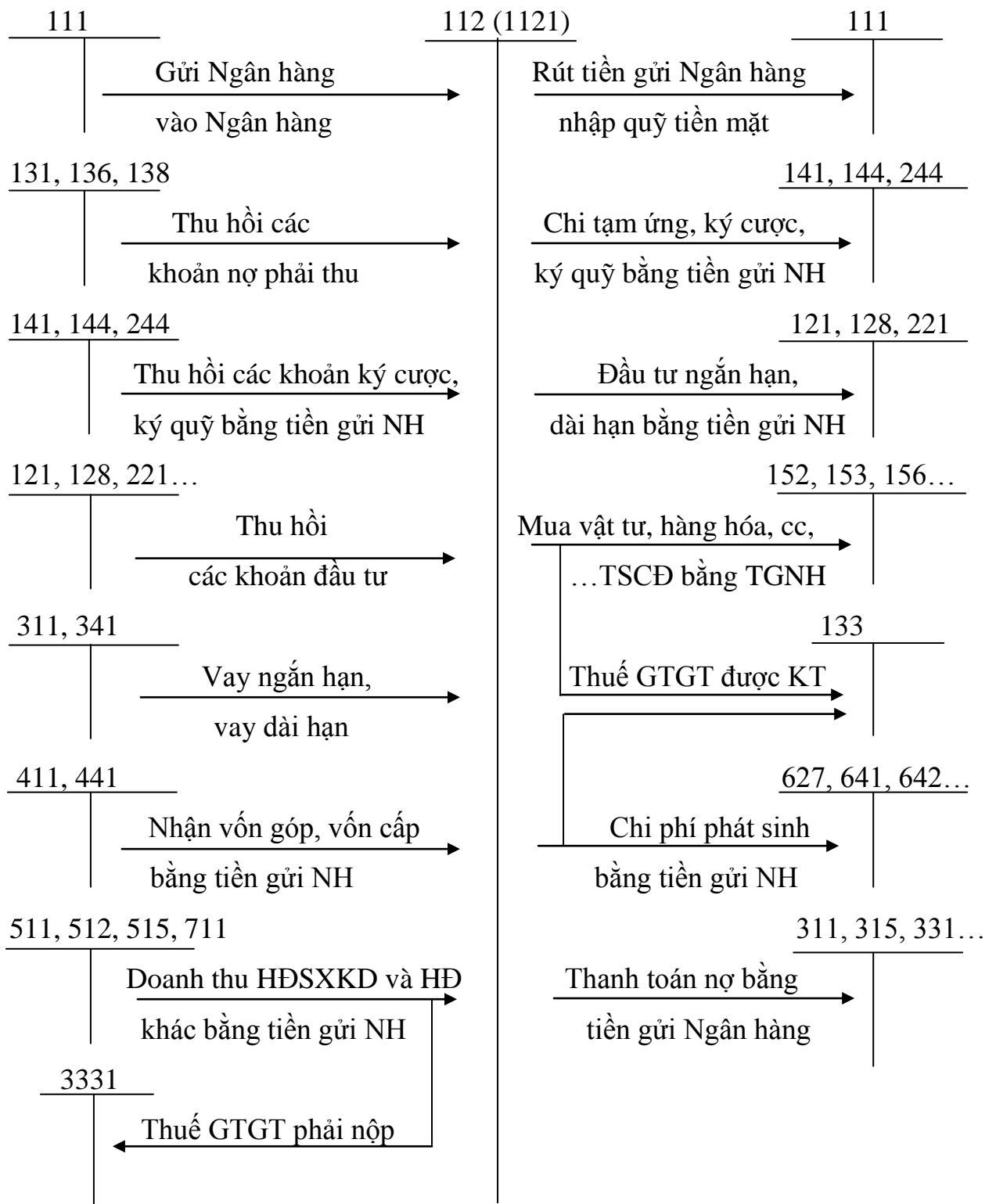
1.3.4.2. Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ :

Kế toán thực hiện tương tự phần kế toán thu chi tiền mặt bằng ngoại tệ

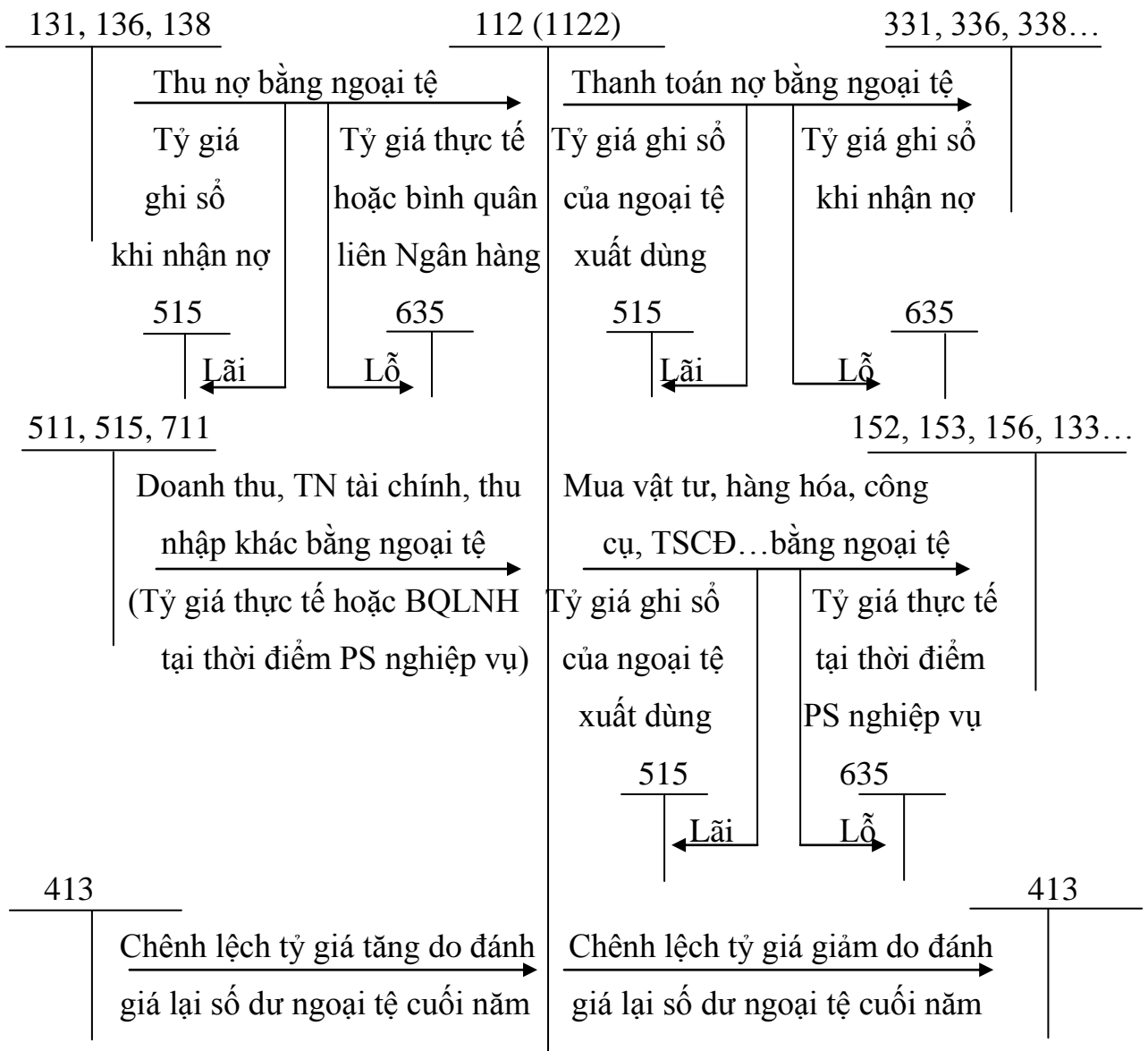
Hàng ngày căn cứ vào chứng từ “Báo Nợ”, “Báo Có” của Ngân hàng ghi vào các sổ kế toán. Kế toán tiền gửi Ngân hàng sử dụng các sổ kế toán tùy thuộc vào hình thức kế toán đơn vị áp dụng.

Tổ chức kế toán tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được thể hiện thông qua sơ đồ sau: (Sơ đồ 1.5)

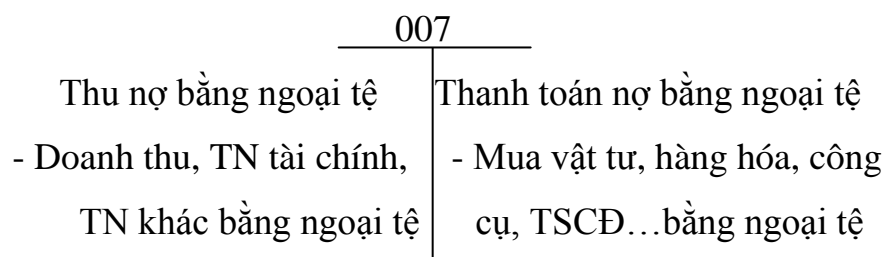
Sơ đồ 1.4. Kế toán tiền gửi Ngân hàng (VNĐ)



Sơ đồ 1.5. Kế toán tiền gửi Ngân hàng (Ngoại tệ)



Tất cả các nghiệp vụ trên đều phải đồng thời ghi đơn TK 007 - Ngoại tệ các loại.



1.4. Tổ chức kế toán tiền đang chuyển:

1.4.1. Nội dung chủ yếu của kế toán tiền đang chuyển:

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng, kho bạc Nhà nước hoặc đã gửi vào bưu điện để chuyển cho ngân hàng hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại ngân hàng hối đoái ở thời điểm cuối năm tài chính theo tỷ giá trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hay bản kê sao của ngân hàng. Tiền đang chuyển gồm tiền Ngân hàng Việt Nam và ngoại tệ các loại phát sinh trong các trường hợp:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho ngân hàng.
- Chuyển tiền qua bưu điện để trả cho đơn vị khác.
- Các khoản tiền cấp phát, trích chuyển giữa đơn vị chính với đơn vị phụ thuộc, giữa cấp trên với cấp dưới giao dịch qua ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hoặc báo Có...

Kế toán theo dõi tiền đang chuyển cần lưu ý:

- Séc bán hàng thu được phải nộp vào ngân hàng trong phạm vi thời hạn giá trị của séc.
- Các khoản tiền giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ qua ngân hàng phải đối chiếu thường xuyên để phát hiện sai lệch kịp thời.
- Tiền đang chuyển có thể cuối tháng mới phản ánh một lần sau khi đã đối chiếu với ngân hàng.

1.4.2. Chứng từ sử dụng:

Kế toán tiền đang chuyển sử dụng các chứng từ :

- Bảng kê nộp séc
- Ủy nhiệm chi
- Giấy “Báo Có” của Ngân hàng

1.4.3. Tài khoản sử dụng:

TK 113- Tiền đang chuyển: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Kho bạc Nhà nước, đã gửi bưu điện để chuyển cho ngân hàng, trả cho doanh nghiệp khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản

tại ngân hàng để trả cho doanh nghiệp khác nhưng chưa nhận được giấy báo nợ hay bản sao kê của ngân hàng.

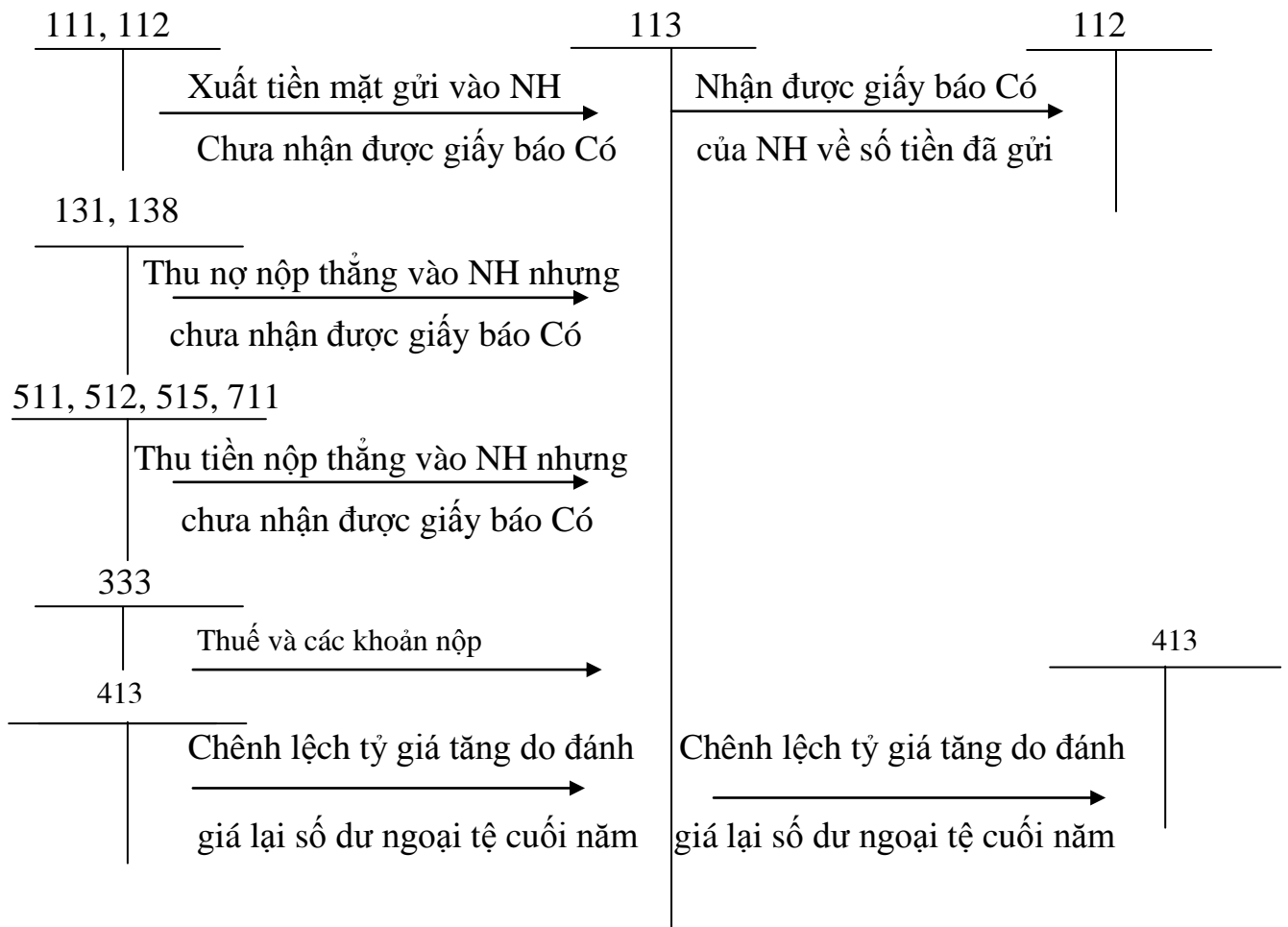
Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 113:

- **Bên Nợ:**
 - Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, séc đã nộp vào ngân hàng hoặc đã chuyển bưu điện để chuyển vào ngân hàng.
 - Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.
 - **Bên Có:**
 - Số kết chuyển vào TK 112- tiền gửi hoặc các tài khoản có liên quan
 - Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.
 - Số dư bên **Nợ**: Các khoản tiền còn đang chuyển.
- Tài khoản 113 có 2 tài khoản cấp 2:
- TK 1131 “Tiền Việt Nam”: phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển
 - TK 1132 “Tiền ngoại tệ”: phản ánh số ngoại tệ đang chuyển.

1.4.4. Phương pháp hạch toán:

Kế toán tiền đang chuyển được thể hiện qua sơ đồ 1.6 như sau:

Sơ đồ 1.6. Kế toán tiền đang chuyển



CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI XÍ NGHIỆP 7 – CÔNG TY XÂY DỰNG 319

2.1. Khái quát chung về Xí nghiệp 7- công ty xây dựng 319 .

Tên doanh nghiệp: Xí nghiệp 7 – Công ty xây dựng 319.

Loại hình doanh nghiệp: Công ty nhà nước.

Trụ sở: 283 Lê Duẩn – Kiến An – Hải Phòng

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Xí nghiệp 7- công ty xây dựng 319

Xí nghiệp 7 - Công ty xây dựng 319 . Quân khu 3 là đơn vị làm kinh tế kết hợp với Quốc phòng. Tiền thân là x-ởng công binh X7 Quân khu Tả ngạn đ-ợc tách ra thành lập X- ởng 7 ngày 20 tháng 10 năm 1970. Từ năm 1970 đến năm 1975 đ-ợc giao nhiệm vụ sản xuất các mặt hàng cơ khí mộc và xây dựng phục vụ sản xuất và chiến đấu. Từ năm 1976 đ-ợc điều động về cục kinh tế Quân khu 3 cho đến năm 1988, X- ởng đ-ợc giao nhiệm vụ sản xuất các mặt hàng cơ khí mộc phục vụ sản xuất, đời sống, chính sách cho các đơn vị trong Quân khu và khu vực phía Bắc. Năm 1985 Xí nghiệp chuyển sang hạch toán kinh doanh bằng chính ngành nghề truyền thống của mình cho tới nay thuộc Công ty xây dựng 319 - Quân khu 3 đóng quân trên địa bàn quận Kiến An - Thành phố Hải Phòng. Trong cơ chế thị tr-ờng tự hạch toán và nhận nhiệm vụ đ-ợc giao, xây dựng các công trình đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu và an ninh quốc gia, luôn hoàn thành suất sắc mọi nhiệm vụ chỉ tiêu kế hoạch, chất l-ợng sản phẩm đ-ợc cấp trên đánh giá cao. Nhiệm vụ trung tâm của Xí nghiệp hiện nay là nhận thầu xây lắp các công trình công nghiệp, dân dụng, quốc phòng, đ-ờng giao thông, thuỷ lợi, Dò tìm xử lý bom mìn và sản xuất cơ khí- mộc. Địa bàn hoạt động của Xí nghiệp rộng khắp trên phạm vi toàn quốc.

Do nhận thức đúng đắn về hoạt động sản xuất kinh doanh của mình trong điều kiện cơ chế thị tr-ờng, Xí nghiệp 7 - Công ty xây dựng 319 – Quân khu 3 chuyển h-ớng đầu t- cả chiều rộng và chiều sâu, điển hình là Xí nghiệp đầu t- mua sắm

máy móc, thiết bị thi công của các nước trên thế giới như Nhật Bản, Đức, Hàn Quốc, Mỹ ... Đồng thời đổi mới trong công tác tổ chức quản lý sản xuất, tăng cường đào tạo và đào tạo lại để nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ công nhân viên. Vì thế Xí nghiệp không những đứng vững trong cơ chế thị trường mà ngày càng phát triển, uy tín với khách hàng ngày càng lớn, mở ra nhiều cơ hội cho sự phát triển lâu dài cũng như các cơ hội đầu tư làm ăn mới.

Trước sự đổi mới của xã hội và tiến trình công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước, từ tình hình thực tế đòi hỏi Ban giám đốc Xí nghiệp luôn luôn tranh thủ tiếp cận thị trường. Bên cạnh đó Xí nghiệp luôn quan tâm đến việc đổi mới một cách toàn diện, nhất là công nghệ, tăng cường củng cố công tác cán bộ nhằm nâng cao nhận thức và khả năng nắm bắt khoa học công nghệ mới, phương thức quản lý kinh tế mới ngày một tốt hơn. Quan tâm đến việc đầu tư năng lực thiết bị đồng bộ đủ khả năng xây dựng các công trình có quy mô lớn và kết cấu phức tạp.

Đặc biệt hơn 15 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, từ năm 1993 đến nay là một đơn vị thành viên của Công ty xây dựng 319 - Bộ quốc phòng thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong cơ chế thị trường dưới sự lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp của Công ty xây dựng 319 và Bộ tư lệnh quân khu 3, toàn bộ cán bộ chiến sĩ, công nhân viên lao động trong xí nghiệp đã khắc phục mọi khó khăn thiếu thốn. Xí nghiệp đã trải qua nhiều khó khăn thử thách, song với truyền thống vốn có của Xí nghiệp: Đoàn kết, khắc phục khó khăn, tự lực tự cường, sáng tạo và sự quyết tâm phấn đấu không mệt mỏi của cán bộ công nhân viên chức trong toàn Xí nghiệp dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng uỷ, chỉ huy công ty, Bộ tư lệnh Quân khu 3. Xí nghiệp đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, tự khẳng định được tính ổn định và định hướng phát triển phù hợp với cơ chế kinh tế mới. Tốc độ tăng trưởng hàng năm đạt từ 1,15 đến 1,25 lần, có năm tăng 2,2 lần. Các chỉ tiêu về lợi nhuận, giao nộp ngân sách với nhà nước và Bộ quốc phòng đảm bảo 100% trở lên. Công trình sản phẩm bàn giao đạt chất lượng kỹ thuật được các chủ đầu tư tín nhiệm. Đời sống vật chất tinh thần của cán bộ công nhân viên, lao động luôn được cải thiện và nâng cao, tiền lương trung bình đạt từ 1.500.000đ/người/tháng (2006) đến 1.900.000 đ/người/tháng (2008).

Hơn 30 năm xây dựng và tr-ởng thành, từ việc sản xuất những hàng hoá giản đơn, đến nay đã thi công xây dựng hàng trăm công trình và hạng mục công trình có quy mô vừa và lớn trên khắp các tỉnh thành, trong đó có nhiều công trình đạt chất l-ợng cao của ngành xây dựng Việt Nam.

Tr-ớc chủ tr-ong đổi mới toàn diện trên mọi lĩnh vực của nhà n-ớc, trong đó có ngành quản lý đầu t- xây dựng cơ bản. Vì thế chính phủ đã áp dụng ph-ơng thức đấu thầu đối với tất cả các công trình xây dựng có giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên, nhằm quản lý nguồn vốn đầu t- xây dựng có hiệu quả hơn, tiết kiệm triệt để đến mức tối đa các chi phí bất hợp lý phát sinh. Xuất phát từ sự thay đổi cơ chế nói trên, Xí nghiệp luôn luôn tìm kiếm thị tr-ờng trên lĩnh vực hoạt động của mình, đã tham gia đấu thầu nhiều công trình vừa và lớn trên khắp các tỉnh thành trong cả n-ớc. Từ mục tiêu đã đề ra là nâng cao uy tín chất l-ợng công trình và mở rộng quy mô hoạt động, đòi hỏi doanh nghiệp phải có một chiến l-ợc cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Xí nghiệp phấn đấu trở thành một doanh nghiệp phát triển kinh tế phồn thịnh và vững mạnh, hoà nhập với mục tiêu chung của đất n-ớc là nền kinh tế trí thức.

Trong điều kiện sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị tr-ờng, Xí nghiệp 7 - Công ty xây dựng 319 - Quân khu 3 đã gặp không ít những khó khăn bởi mặt trái của cơ chế thị tr-ờng tác động, nh-ng bằng những năng lực vốn có của mình, xí nghiệp không ngừng phát huy thế mạnh.

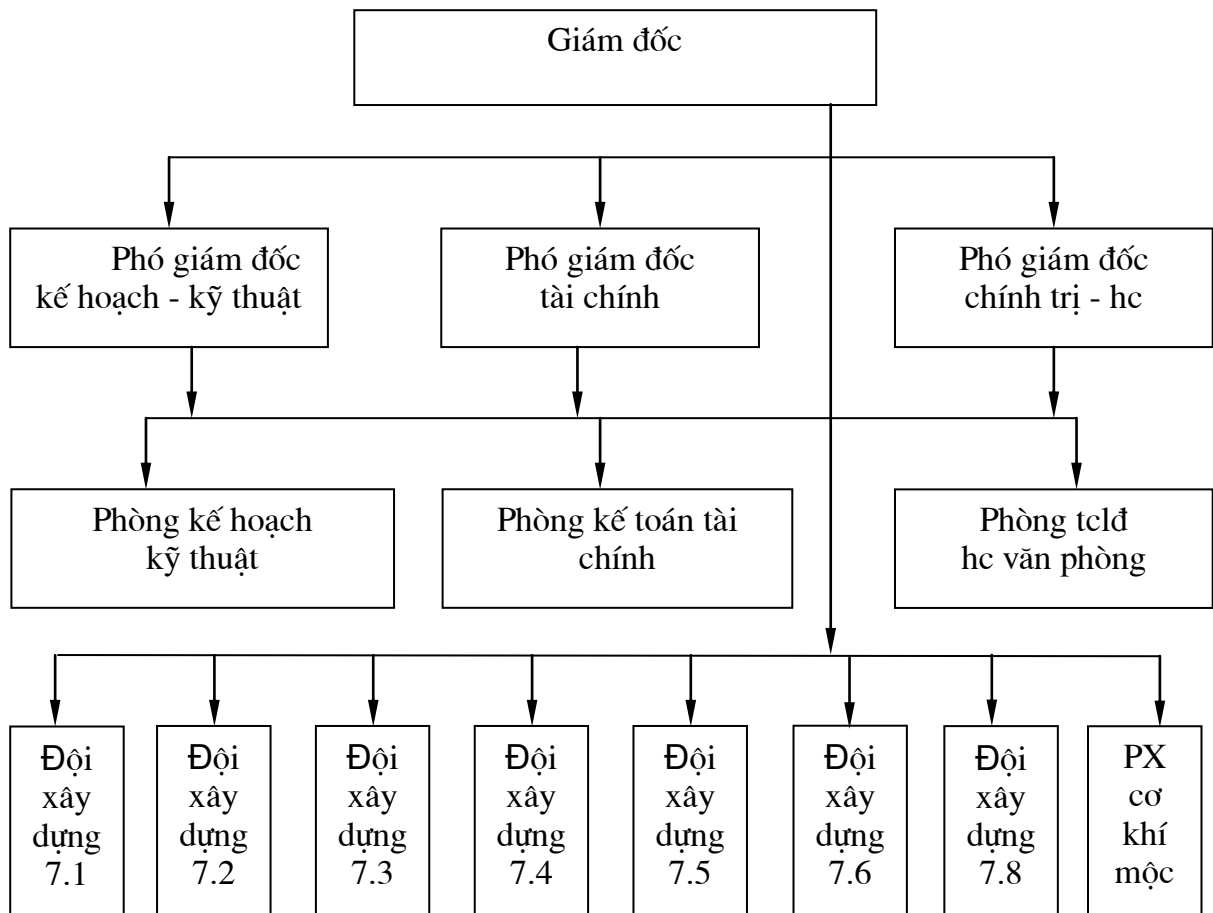
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp 7 .

Do đặc thù kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng nên nhiệm vụ trung tâm của xí nghiệp hiện nay là nhận thầu xây lắp các công trình công nghiệp, dân dụng, quốc phòng, đ-ờng giao thông, thuỷ lợi, Dò tìm xử lý bom mìn và sản xuất cơ khí- mọt.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Xí nghiệp 7 .

Bộ máy quản lý của xí nghiệp đ-ợc tổ chức theo một cấp (tập trung). Ban giám đốc xí nghiệp lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp từng đội, phân x-ởng sản xuất.

Sơ đồ tổ chức quản lý của xí nghiệp



* *Giám đốc*: Là đại diện pháp nhân của doanh nghiệp, chịu trách nhiệm tr-ớc pháp luật và các cơ quan quản lý cấp trên trong các hoạt động của doanh nghiệp. Giám đốc là ng-ời có quyền điều hành sản xuất kinh doanh cao nhất trong doanh nghiệp.

Giám đốc có quyền trình lên ng-ời quyết định thành lập doanh nghiệp trong việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen th-ởng hoặc kỷ luật đối với các chức danh khác và các CBCNV trong doanh nghiệp, giám đốc có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm hay kỷ luật theo quy định của pháp luật.

Giám đốc chịu trách nhiệm tr-ớc cơ quan quản lý cấp trên và nhà n-ớc về mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, trực tiếp chỉ đạo phòng kế toán tài chính, phòng kế hoạch kỹ thuật, và công tác nhân sự của doanh nghiệp.

Trợ giúp giám đốc xí nghiệp là 3 phó giám đốc: Phó giám đốc chính trị hậu cần, phó giám đốc kế hoạch kỹ thuật, phó giám đốc tài chính cùng các phòng ban.

** Phó giám đốc kế hoạch kỹ thuật:*

Giúp giám đốc điều hành doanh nghiệp theo sự phân công và uỷ quyền của giám đốc đồng thời chịu trách nhiệm về những nhiệm vụ này.

Phó giám đốc kế hoạch kỹ thuật: Chịu trách nhiệm trực tiếp giám đốc về việc lập kế hoạch sản xuất và về kỹ thuật công nghệ, về chất lượng xây dựng công trình chỉ đạo sản xuất, thực hiện kế hoạch sản xuất của xí nghiệp hàng tháng, quý, năm theo đúng tiến độ đề ra.

- Cải tiến và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất.

Trực tiếp chỉ đạo phòng Kế hoạch kỹ thuật và phòng thiết kế thi công.

** Phó giám đốc phụ trách tài chính:* Phụ trách về kế hoạch tài chính, tham mưu về vấn đề tài chính của xí nghiệp, đồng thời trợ giúp việc lập kế hoạch vốn, tạo nguồn vốn để đảm bảo đủ vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh.

** Phó giám đốc chính trị hậu cần:* Phụ trách vấn đề chính trị và hành chính của đơn vị như: tổ chức Đảng, tổ chức công đoàn, tổ chức biên chế nhân sự, tổ chức hành chính, tổ chức đời sống vật chất tinh thần và các tổ chức khác của xí nghiệp.

Các phòng ban chức năng:

** Phòng kế hoạch kỹ thuật:*

- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh và tham mưu cho Giám đốc trong công tác xây dựng kế hoạch.

- Xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh và theo dõi lập dự toán để tính toán giá thành sản phẩm của doanh nghiệp.

- Nắm chắc năng lực của xí nghiệp về máy móc thiết bị, nhà xưởng để đề ra kế hoạch phù hợp với khả năng của xí nghiệp.

- Điều phối công việc, tạo ra mối quan hệ chặt chẽ giữa các đơn vị sản xuất nhằm thực hiện đúng tiến độ sản xuất kinh doanh như kế hoạch đề ra.

- Bổ sung và điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh khi có biến động để đáp ứng kịp thời những đòi hỏi của thị trường.

- Xây dựng định mức vật tư, nguyên vật liệu và định mức lao động sản phẩm, thường xuyên kiểm soát, xem xét, theo dõi việc thực hiện định mức vật tư, nguyên

vật liệu, định mức lao động nhằm phát huy những mặt mạnh và khắc phục những điểm yếu cho phù hợp với tình hình thực tế sản xuất.

- Lập hồ sơ, hợp đồng, thanh lý hợp đồng quyết toán các công trình.

- Hợp tác khoa học kỹ thuật đối với các doanh nghiệp khác tiến tới thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong lĩnh vực công nghệ sản xuất để rút ngắn khoảng cách chênh lệch về trình độ công nghệ so với các đơn vị khác trong ngành.

* *Phòng tài chính kế toán :*

- Có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn, ngắn hạn trình lên giám đốc xí nghiệp, đồng thời có trách nhiệm thực hiện cũng như quản lý nghiệp vụ các chỉ tiêu tài chính.

- Thanh quyết toán công trình hoàn thành, tạm ứng tiền lương cho CBCNV.

- Thực hiện các công tác chuyên môn nghiệp vụ như công tác hoạch toán, công tác thống kê, quyết toán, thu thập số liệu, hiệu chỉnh và lập các báo cáo tài chính kịp thời đúng chế độ của Nhà nước quy định.

- Lập kế hoạch chi tiêu và dự phòng để phục vụ kịp thời, chủ động cho nhiệm vụ sản xuất và kinh doanh.

Tiến hành các công việc hạch toán kinh tế các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tổng hợp số liệu xử lý, phân tích các hoạt động kinh tế theo kỳ báo cáo.

- Mở sổ sách theo dõi toàn bộ tài sản của xí nghiệp, định kỳ kiểm kê đánh giá tài sản cố định, quản lý chặt chẽ tài sản cố định của xí nghiệp, tính toán khấu hao thu hồi để tái sản xuất mở rộng.

- Thường xuyên theo dõi nguồn vật tư hàng hóa, hàng tồn kho nguồn vốn lưu động để đề xuất với giám đốc xí nghiệp những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

- Giám sát kiểm tra các hợp đồng kinh tế mua bán vật tư hàng hoá, mua sắm thiết bị tài sản, thanh quyết toán và thanh lý các hợp đồng trên khi đã thực hiện xong hợp đồng.

- Phối kết hợp với các phòng ban liên quan để xác định chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, các chi phí các hoạt động sản xuất kinh doanh để làm cơ sở hoạch toán.

** Phòng tổ chức lao động - hành chính văn phòng:*

- D- ối sự điều hành của Giám đốc tiếp nhận, tuyển dụng lao động, tổ chức xét duyệt nâng l- ơng cho cán bộ, công nhân, tổ chức thi nâng bậc cho công nhân viên chức.

- Là nơi giải quyết các chế độ chính sách và phúc lợi có liên quan đến lợi ích của ng- ời lao động và CBCNV toàn xí nghiệp.

- Tham m- u với giám đốc đề bạt cán bộ.

- Xây dựng kế hoạch tiền l- ơng, tiền th- ưởng, trả l- ơng, bảo hộ lao động cho CBCNV.

- Đề nghị những kế hoạch hoạt động đ- a ra mô hình tổ chức thích hợp.

- Làm nhiệm vụ quản lý hành chính, văn th- , công văn giấy tờ, con dấu và các thủ tục hành chính.

- Mua sắm trang thiết bị văn phòng.

- Chuẩn bị những hội thảo khoa học với các bên đơn vị có liên quan.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch đảm bảo an ninh, chính trị nội bộ và an toàn trong sản xuất, kinh doanh.

** Các đội xây dựng và phân x- ưởng sản xuất:*

Các đội xây dựng và phân x- ưởng sản xuất trực thuộc xí nghiệp, d- ối sự chỉ huy và điều hành của Ban giám đốc và các phòng ban xí nghiệp. Là những đơn vị thu nhỏ có ng- ời chỉ huy và điều hành sản xuất trực tiếp là đội trưởng và có các nhân viên trợ giúp nh- : Kế toán, thủ quỹ, kỹ thuật, vật t- và các tổ sản xuất.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán của Xí nghiệp 7.

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại Xí nghiệp 7.

Xí nghiệp 7 là một doanh nghiệp có qui mô lớn ở cấp Xí nghiệp, địa bàn hoạt động trải rộng trong cả n- ớc. Để phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh và đáp ứng yêu cầu quản lý sản xuất, Xí nghiệp đã vận dụng mô hình tổ chức bộ máy kế toán nửa tập trung, nửa phân tán. Công tác tổ chức bộ máy kế toán khoa học đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính hiệu quả của công tác kế toán. Bộ máy kế toán của Xí nghiệp 7 đ- ợc tổ chức thành phòng tài chính và nhân viên kế toán tại các đội. Toàn Xí nghiệp có 7 đội trực thuộc thực hiện hạch toán phụ thuộc. Xí nghiệp đã quy định rõ chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận kế toán nh- sau:

- **Kế toán tr- ờng:** Là ng- ời có chức năng tổ chức chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán tài chính, thông tin kinh tế trong toàn đơn vị. Đồng thời h- ớng dẫn, thể chế và cụ thể hoá kịp thời các chính sách, chế độ, thể lệ tài chính kế toán của Nhà n- ớc, của Bộ Quốc phòng, của Bộ xây dựng và của Công ty. H- ớng dẫn, kiểm tra việc chỉ đạo hạch toán, lập kế hoạch tài chính, chịu trách nhiệm tr- ớc Giám đốc Xí nghiệp và quản lý cấp trên về công tác tài chính kế toán tại Xí nghiệp.

- **Kế toán tổng hợp:** Ghi sổ tổng hợp, lập các báo cáo chi tiết và tổng hợp báo cáo các đội gửi lên thành báo cáo Xí nghiệp. Ngoài ra kế toán tổng hợp còn là ng- ời kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ cũng nh- việc ghi chép sổ sách kế toán mà các đội gửi lên.

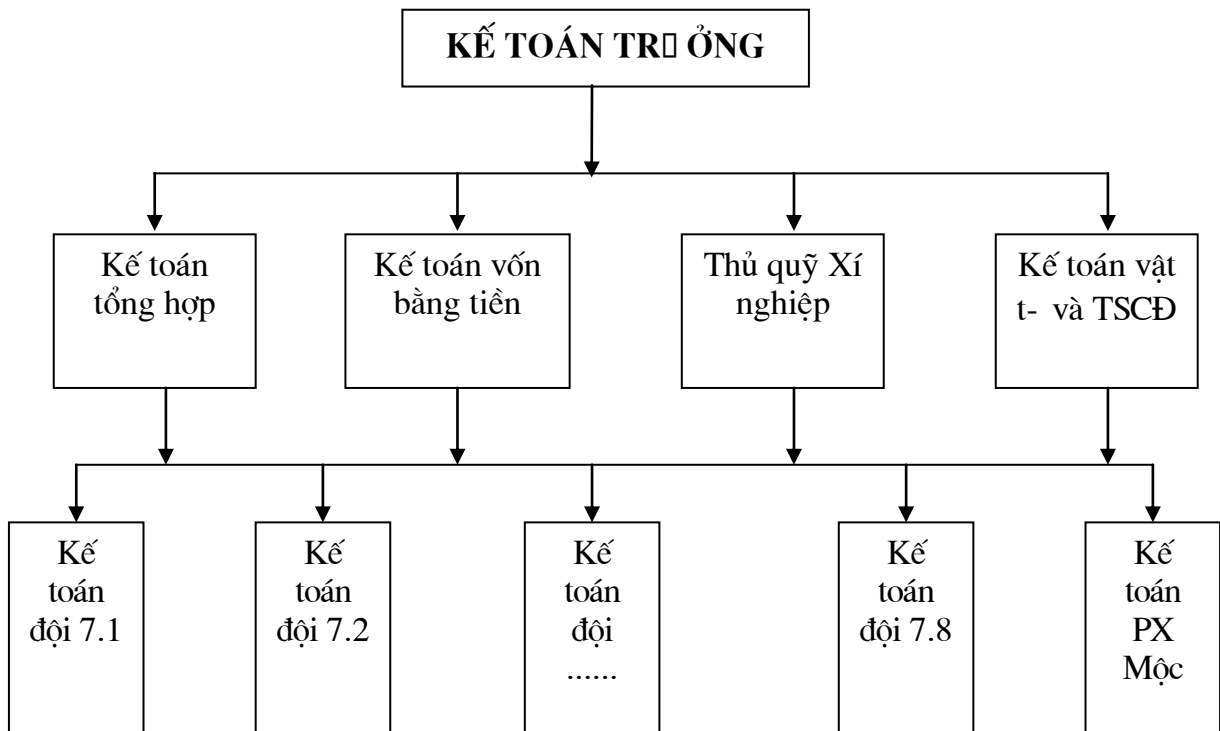
- **Kế toán vốn bằng tiền:** Thanh toán tiền l- ơng và các khoản thanh toán với ngân hàng, thực hiện kế toán vốn bằng tiền tất cả các khoản thanh toán trong nội bộ, với ngân sách Nhà n- ớc, với nhà cung cấp, với khách hàng và theo dõi tình hình thu hồi vốn các công trình.

- **Kế toán vật t- và tài sản cố định:** Theo dõi tình hình biến động tài sản cố định trong toàn Xí nghiệp, ghi sổ khấu hao tài sản và theo dõi tình hình nhập xuất vật t- và tài sản cung ứng cho các đội.

- **Thủ quỹ:** Quản lý tiền mặt của Xí nghiệp, căn cứ vào các chứng từ đ- ợc duyệt hợp lý, hợp lệ, hợp pháp để tiến hành thu chi tiền mặt, ngân phiếu phục vụ sản xuất và ghi sổ quỹ hàng ngày. Hàng tháng đối chiếu với kế toán vốn bằng tiền về tồn quỹ và các lệnh thu chi báo cáo với kế toán tr- ờng đồng thời giúp kế toán vốn bằng tiền về khâu thanh toán nội bộ Xí nghiệp và chế độ chi tiêu.

- **Kế toán tại các đội trực thuộc xí nghiệp:** Là ng- ời th- ờng xuyên theo dõi và bám sát các công trình xây dựng, định kỳ hàng tuần tập hợp toàn bộ các chứng từ kế toán tiến hành ghi sổ. Ngoài ra công việc th- ờng xuyên của kế toán đội là thực hiện việc thanh quyết toán với các nhân viên của đội, với nhà cung cấp và các chủ đầu t- . Cuối quý làm quyết toán báo cáo tài chính với Xí nghiệp. Có thể khái quát tổ chức bộ máy kế toán thành sơ đồ nh- sau:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN CỦA XÍ NGHIỆP 7



2.1.4.2. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán.

Xí nghiệp 7 vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

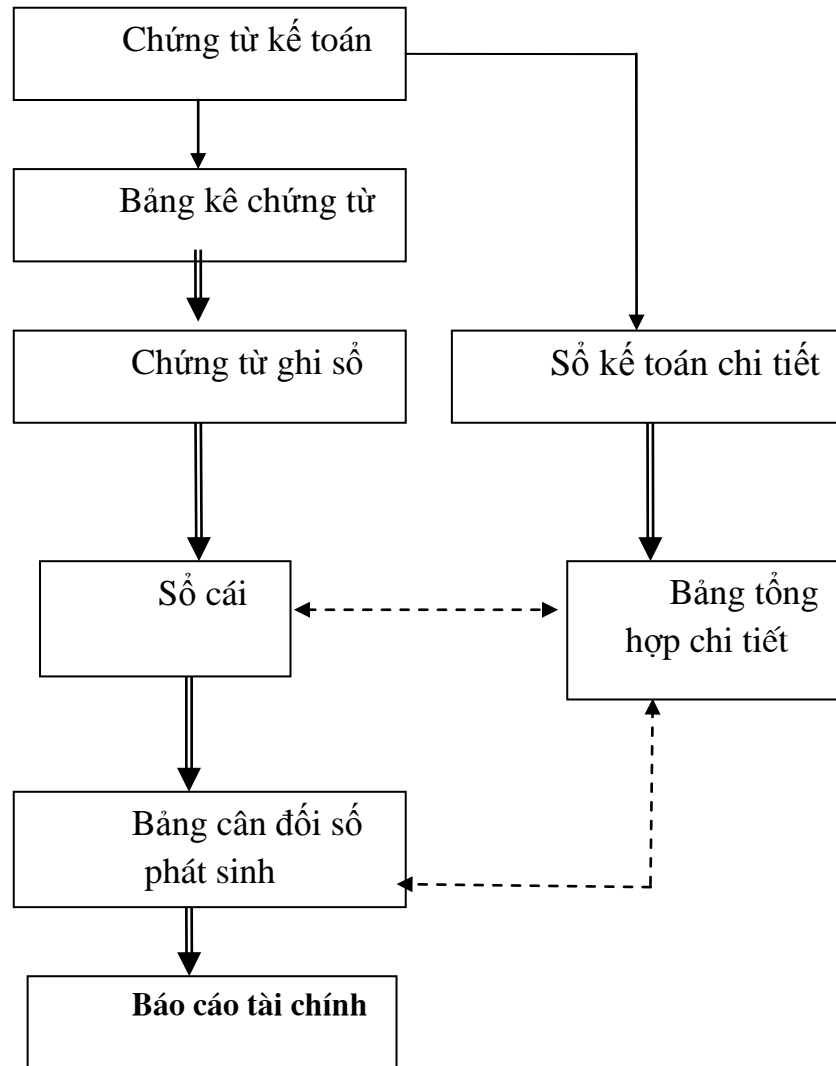
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán.

- **Hệ thống các tài khoản:** Xí nghiệp 7 vận dụng hệ thống tài khoản ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Với quy mô hoạt động lớn, địa bàn hoạt động trải rộng và để đảm bảo sự chuẩn bị thuận tiện cho việc máy tính hoá công tác kế toán nên Xí nghiệp đã lựa chọn hình thức ghi sổ kế toán là hình thức Chứng từ ghi sổ.

Trình tự ghi sổ kế toán đ- ợc thể hiện theo sơ đồ sau:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra số liệu

2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán.

Báo cáo tài chính: gồm 04 loại theo quy định của chế độ kế toán. Theo quy định hiện hành, hệ thống báo cáo tài chính bao gồm:

- + Bảng cân đối kế toán (B01 - DN)
- + Kết quả hoạt động kinh doanh (B02 - DN)
- + Báo cáo l- u chuyển tiền tệ (B03- DN)
- + Thuyết minh báo cáo tài chính (B09- DN);

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp 7 .

2.2.1. Tổ chức kế toán tiền mặt tại quỹ tại Xí nghiệp 7 .

Xí nghiệp 7- công ty xây dựng 319 hoạt động chủ yếu trung lĩnh vực xây dựng với quy mô hoạt động lớn nên vốn bằng tiền đóng vai trò quan trọng trong công tác hạch toán kế toán. Cung cấp thông tin một cách chính xác về tình hình thu, chi, tồn quỹ các loại tiền để từ đó ban lãnh đạo xí nghiệp có kế hoạch bổ sung, điều chỉnh vốn một cách hợp lý làm tăng nhanh việc luân chuyển và quay vòng vốn.

2.2.1.1. Chứng từ sử dụng.

- Chứng từ kế toán sử dụng để hạch toán tiền mặt tại xí nghiệp bao gồm:

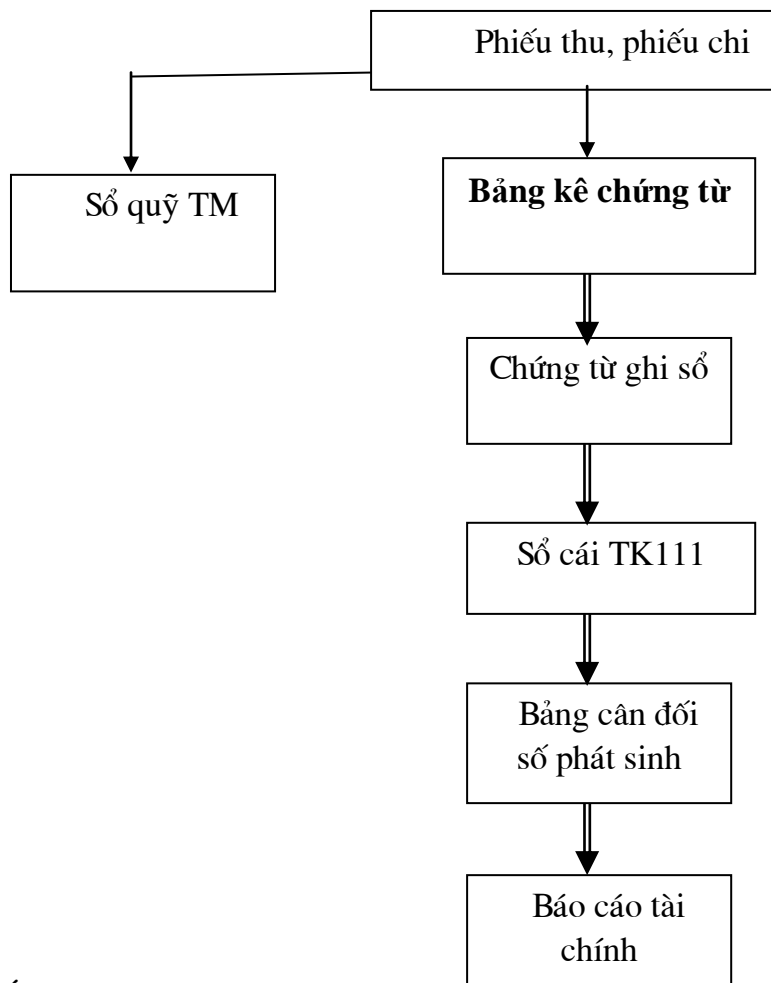
- + Phiếu thu (Mẫu số 01- TT)
- + Phiếu chi (Mẫu số 02- TT)
- + Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03- TT)

- Khi nhận chứng từ gốc: hoá đơn giá trị gia tăng mua vào hoặc bán ra, giấy đề nghị thanh toán, giấy đề nghị tạm ứng... Căn cứ vào chứng từ gốc kế toán viên lập phiếu thu, phiếu chi.

2.2.1.2. Tài khoản sử dụng .

- Tài khoản 1111- tiền Việt Nam

2.2.1.3. Quy trình hạch toán.



Ghi chú :

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ←----> Đối chiếu, kiểm tra

Từ các chứng từ kế toán, hàng ngày kế toán viên vào bảng kê chứng từ đồng thời vào sổ quỹ tiền mặt. Đến cuối tháng tập hợp từ bảng kê vào chứng từ ghi sổ và căn cứ vào đó lập sổ cái.

* Quy trình lập phiếu thu, phiếu chi:

- Sau khi ghi đầy đủ các yếu tố trên phiếu thu (phiếu chi), phiếu thu (phiếu chi) sẽ được đính kèm với các chứng từ có liên quan để chuyển cho giám đốc và kế toán trưởng soát xét, ký duyệt. Sau đó chuyển cho thủ quỹ làm căn cứ xuất, nhập quỹ. Các phiếu thu phải đánh số thứ tự liên tục, đầy đủ.

- Phiếu thu do kế toán lập thành 3 liên (đặt giấy than viết 1 lần), thủ quỹ giữ một liên làm căn cứ ghi sổ quỹ và chuyển cho kế toán cùng với chứng từ gốc để vào sổ kế toán, một liên giao cho người nộp tiền, liên còn lại lưu ở nơi lập phiếu.

- Phiếu chi do kế toán lập thành 3 liên (đặt giấy than viết 1 lần), một liên lưu lại ở nơi lập phiếu, một liên giao cho người nhận tiền, liên còn lại thủ quỹ dùng để ghi sổ quỹ và chuyển cho kế toán cùng chứng từ gốc để vào sổ kế toán.

- Biên lai thu tiền theo mẫu in riêng của công ty cũng có 2 liên, một liên lưu lại ở công đồng, một liên giao cho người nộp tiền.

Một số nghiệp vụ phát sinh về hạch toán thu, chi tiền mặt Việt Nam tại Xí nghiệp 7- công ty xây dựng 319.

Ví dụ 1: Ngày 11-12 đồng chí Luyên tạm ứng số tiền 30.000.000đ xây dựng công trình. Căn cứ vào giấy đề nghị tạm ứng(biểu số 2.1) đã được Ban tài chính XN7 phê duyệt, kế toán viết phiếu chi số 1155(biểu số 2.2). Và ghi vào Bảng kê chứng từ ghi có TK 111(biểu số 2.3). Cuối tháng kế toán lập chứng từ ghi sổ số 335(biểu số 2.4) và ghi vào sổ cái TK 111(biểu số 2.8). Đồng thời từ phiếu chi 1155, thủ quỹ ghi vào Sổ quỹ tiền mặt(biểu số 2.9).

Công ty Xây dựng 319

Mẫu số 03- TT

Xí nghiệp 7 đội 7.3

(Ban hành theo QĐ số 15/2006BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ tr- ờngBTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ TẠM ỨNG

Ngày 11 tháng 12 năm 2009.

Kính gửi: Ban giám đốc - Ban tài chính XN 7

Tên tôi là: Lê Thị Luyện

Địa chỉ: Đội xd 7.3 - XN7- CTy xây dựng 319- QK3.

Đề nghị tạm ứng số tiền (tiền mặt): 30.000.000đ

Bằng chữ: ba m- ới triệu đồng chẵn/

Lý do chi: ứng xây dựng công trình

Ngày 11 tháng 12 năm 2009

Ng- ời xin tạm ứng

Đội tr- ờng

Thủ tr- ờng đơn vị

Biểu 2.1: Trích giấy đề nghị tạm ứng

Công ty XD 319

Mẫu số 02- TT

Xí nghiệp 7

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

PHIẾU CHI Số : 1155

Ngày 11 tháng 12 năm 2009.

Nợ: TK 136

Có: TK 111

Tên ng- ời nhận tiền: Đ/c Luyến

Địa chỉ: Đội XD 7.3

Lý do chi: Ứng tiền xây dựng

Số tiền: **30.000.000**

Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng chẵn

Kèm theo: 0 chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Ba mươi triệu đồng chẵn

Ngày 11 tháng 12 năm 2009

Thủ tr- ờng ĐV	Kế toán tr- ờng	Ng- ời lập phiếu	Ng- ời nhận	Thủ quỹ
(Ký, họ tên,	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
đóng dấu)				

Biểu 2.2: Trích phiếu chi số 1155

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ

Ghi có tài khoản 111

Tháng 12 năm 2009

Đvt: VND

Số ct	Ngày	Nội dung	Ghi có TK 111	Ghi nợ các tài khoản				
				136	141	133	642	338
...
1155	11/12	Luyển ứng tiền xây dựng	30.000.000	30.000.000				
1156	11/12	Tâm ứng tiền mua hàng	8.000.000		8.000.000			
1157	11/12	Thanh toán tiền thuê xe	1.100.000			100.000	1.000.000	
		Cộng	452.554.569	413.200.000	15.000.000	2.023.647	21.313.822	1.017.100

Kế toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán trưởng

Biểu 2.3: Trích Bảng kê chứng từ tháng 12/2009

Công ty Xây Dựng 319

XÍ NGHIỆP 7

Mẫu số SO2 DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của bộ tr- ởng BTC

Tập số: 04

Số 335/CT

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Nội dung	Nợ TK	Có TK	Số tiền
Chi quỹ tiền mặt phục vụ SX tháng 12/2009	133		2.023.647
	136		413.200.200
	141		15.000.000
	338		1.017.100
	642		21.313.822
			111

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ng- ời lập bảng kê

(Đã ký)

Tr- ởng ban tài chính

(Đã ký)

Biểu 2.4: Trích chứng từ ghi sổ số 335/ CT

Ví dụ 2: Ngày 31-12 đồng chí Luyên(đội XD 7.3) nộp tiền XD công trình đôn 7 tiểu khu 5 biên phòng Quảng Ninh với số tiền 73.000.000đ. Căn cứ vào Bảng kê nộp tiền, kế toán viết phiếu thu số 241(biểu số 2.5). Và ghi vào Bảng kê chứng từ ghi có TK 131(biểu số 2.6). Cuối tháng kế toán lập chứng từ ghi sổ số 347(biểu số 2.7) và ghi vào sổ cái TK 111(biểu số 2.8). Đồng thời từ phiếu chi 1155, thủ quỹ ghi vào Sổ quỹ tiền mặt(biểu số 2.9).

XÍ NGHIỆP 7

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘI XÂY DỰNG 7.3

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BẢNG KÊ NỘP TIỀN

Công trình: Nhà làm việc tiểu khu 5- Đôn 7- BP Quảng Ninh

Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC XÍ NGHIỆP 7.

BAN TÀI CHÍNH XÍ NGHIỆP 7.

Đội xây dựng 7.3 được Bộ chỉ huy BP tỉnh Quảng Ninh trả tiền XDCT nhà làm việc tiểu khu 5- Đôn 7- BP Quảng Ninh với số tiền là: **73.000.000,0 đồng**

Bằng chữ: (Bẩy mươi ba triệu đồng chẵn./.)

Vậy đội xây dựng 7.3 làm giấy này kính đề nghị Ban Giám đốc Xí nghiệp 7; Ban Tài chính Xí nghiệp cho đội xây dựng 7.3 được làm thủ tục để nộp số tiền trên vào quỹ xí nghiệp.

Đội xây dựng 7.3 xin trân trọng cảm ơn!

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Công ty XD 319

Mẫu số 01- TT

Xí nghiệp 7

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ tr- ờng BTC)

PHIẾU THU Số : 241

Ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Nợ: 111

Có: 131

Tên ng- ời nộp tiền: Đ/c Luyến

Địa chỉ: Đới XD 7.3

Lý do nộp: Nộp tiền XDCT Đôn 7- tiểu khu 5- BP QN

Số tiền: **73.000.000**

Bằng chữ: Bảy mươi ba triệu đồng chẵn

Kèm theo: chứng từ gốc.

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Bảy mươi ba triệu đồng chẵn

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Thủ tr- ờng ĐV	Kế toán tr- ờng	Ng- ời lập phiếu	Ng- ời nhận	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu 2.5: Trích phiếu thu số 241

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ
Ghi có tài khoản 131
Tháng 12 năm 2009

Đvt: VND

Số ct	Ngày	Nội dung	Ghi có TK 131	Ghi nợ TK 111
...
206	24/12	ánh nộp tiền gia công cửa Đ/C Nam	50.000.000	50.000.000
240	31/12	ánh nộp tiền gia công cửa Đ/C Nam	49.721.900	49.721.900
241	31/12	Luyện nộp tiền XDCT đồn 7 TK 5 BP QN	73.000.000	73.000.000
		Cộng	172.721.900	172.721.900

Kế toán

kế toán trưởng

Biểu 2.6: Trích Bảng kê chứng từ tháng 12/2009

Công ty Xây Dựng 319
XÍ NGHIỆP 7

Mẫu số SO2 DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của bộ tr- ờng BTC

Tập số: 04

Số 347/CT

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Nội dung	Nợ TK	Có TK	Số tiền
Khách hàng trả tiền xây dựng công trình tháng 12/ 2009	111		172.721.900
	112		14.617.183.000
			131

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ng- ời lập bảng kê
(Đã ký)

Tr- ờng ban tài chính
(Đã ký)

Biểu 2.7: Trích chứng từ ghi sổ số 347/ CT

Công ty Xây dựng 319
Xí nghiệp 7

Mẫu số S02c1 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TK 111

Tiền mặt Việt nam đồng
Năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐU	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Dư đầu kỳ		167.718.810	
			Phát sinh trong tháng			
					
31/12	335	31/12	Thuế GTGT được KT	133	2.023.647	
			Phải thu nội bộ	136	413.200.200	
			Tạm ứng	141	15.000.000	
			Trả, nộp khác	338	1.017.100	
			Chi quản lý	642	21.313.822	
					
31/12	347	31/12	Khách hàng trả tiền xây dựng công trình	131		172.721.900
			Cộng		6.261.812.908	5.852.424.708
			Dư cuối kỳ		577.170.010	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.8: Trích sổ cái TK 111 tháng 12/ 2009

Sổ quỹ tiền mặt
THÁNG 12 NĂM 2009

Ngày Tháng	Số phiếu		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền		
	Thu	Chi			Thu	Chi	Tồn
			Số d- tháng 11 năm 2009 mang sang				167.781.810
1-12		1096	Luyện	ứng nhà ở HV N61= 10 ; Tr- ờng CĐ CNQP = 10, Đôn 35 = 10		30.000.000	
1-12		1097	Linh	ứng tiền dịch thuật tiếng Anh GT số 8 khu chung c An Đôn		25.000.000	
31-12		1260	Huế	ứng tiền XDCT Trờng CĐ nghề DL (2)		45.000.000	
31-12	239		Huy	Hoàn ứng tiền mặt	10.000.000		
31-12	240		ánh	Nộp tiền cửa đôn chí Nam	49.721.900		
31-12	241		Luyện	Nộp tiền XDCT Đôn 7 TK 5 BP QN	73.000.000		
			Cộng phát sinh tháng 12 năm 2009		6.261.812.908	5.852.424.708	
			Số dư cuối tháng 12 năm 2009				577.170.010

2.2.2. Tổ chức kế toán TGNH tại Xí nghiệp 7

2.2.2.1. Chứng từ sử dụng:

- Chứng từ kế toán sử dụng:

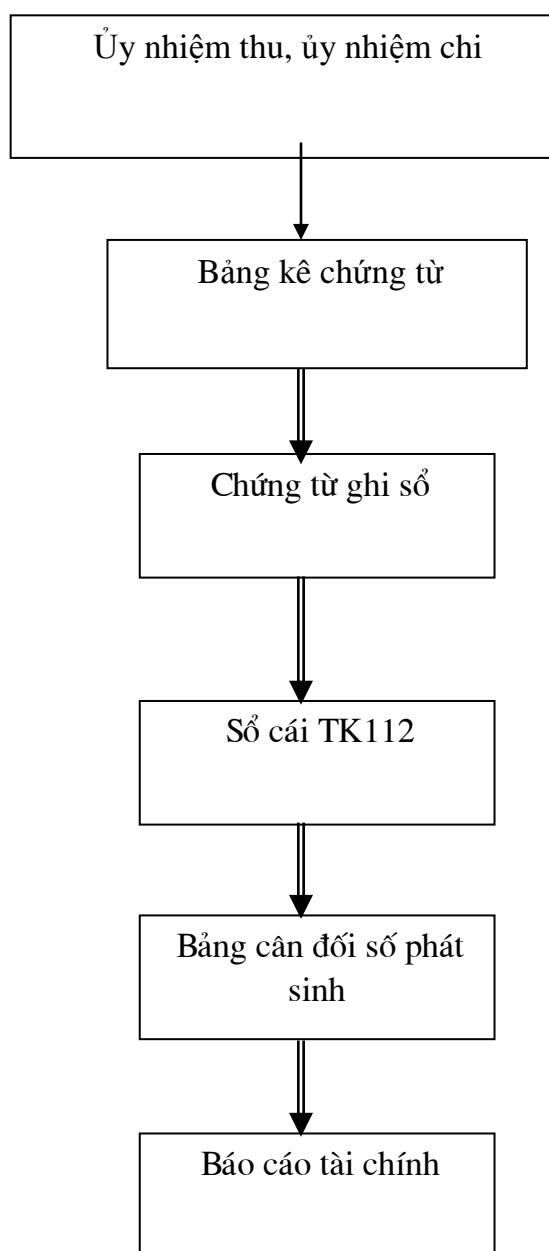
- + Giấy báo nợ.
- + Giấy báo có.
- +Ủy nhiệm thu
- +Ủy nhiệm chi
- + Bản sao kê của ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc.

2.2.2.2. Tài khoản sử dụng:

- Kế toán sử dụng tài khoản 112-Tiền gửi NH

2.2.2.3. Quy trình hạch toán.

Từ các chứng từ kế toán, hàng ngày kế toán viên vào bảng kê chứng từ . Đến cuối tháng tập hợp từ bảng kê vào chứng từ ghi sổ và căn cứ vào đó lập sổ cái



Ghi chú :

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- ←---> Đối chiếu, kiểm tra

- Công ty Xây dựng 319 xí nghiệp 7 mở giao dịch tại NH TMCP Quân đội CN Hải Phòng. Số tài khoản NH:251110037008.

Một số nghiệp vụ kế toán về TGNH tại CTy XD 319 xí nghiệp 7 phát sinh t12/2009:

Ví dụ 3 - Ngày 09/12/2009: Trả tiền báo quý 3 năm 2009 tại ban tài chính của Xí nghiệp bằng tiền gửi ngân hàng.

- Căn cứ vào hóa đơn GTGT(biểu số 2.10), kế toán thanh toán viết ủy nhiệm chi (biểu số 2.11)
- Cùng với Phiếu Báo Nợ từ Ngân hàng TMCP quân đội hải phòng(biểu số 2.12). Kế toán vào Bảng kê chứng từ ghi có TK 112(biểu số 2.13)
- Cuối tháng tổng hợp vào Chứng từ ghi sổ số 343 (biểu số 2.14)
- Vào sổ cái TK 112 (biểu số 2.19)

HOÁ ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT-3LL		
GIÁ TRỊ GIÁ TĂNG			PE/2009B		
Liên 2: Giao khách hàng			0013580		
Ngày 2 tháng 12 năm 2009					
Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Hợp Nhất					
Địa chỉ: 191 Quang Trung -Hồng Bàng- HP					
MST: 0200767268					
Điện thoại:					
Họ tên người mua hàng: Trần Quốc Đạt					
Tên đơn vị: XN7-CTXD319					
Địa chỉ:					
Số tài khoản					
Hình thức thanh toán: TM			MST: 01001089840041		
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	tiền báo quý 3/2009				6.308.700
Cộng tiền hàng:					6.308.700
Thuế suất GTGT 0%		Tiền thuế GTGT:		0	
Tổng cộng tiền thanh toán:					6.308.700
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu ba trăm linh tám nghìn bảy trăm nghìn đồng					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)					

Biểu 2.10: Trích nguồn số liệu Ban kế toán Xí nghiệp 7

ỦY NHIỆM CHI Số: 539

CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN THỦ, ĐIỆN Lập ngày: 9/12/2009

Tên đơn vị trả tiền: Xí nghiệp 7 - Công ty XD 319

Số tài khoản: 2511100037008

Tại ngân hàng: TMCP Quân đội. Tỉnh, TP : Hải Phòng.

TÀI KHOẢN NỢ

Tên đơn vị nhận tiền: Cty CP hợp nhất VN

Số tài khoản : 10021414

Tại ngân hàng: GP Bank Tỉnh,TP : Hải Phòng.

TÀI KHOẢN CÓ

Số tiền bằng chữ: Sáu triệu ba trăm linh tám nghìn bảy trăm
nghìn đồng

SỐ TIỀN BẰNG
SỐ 6.308.700

Nội dung thanh toán: Trả tiền mua báo quý 3/2009

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN

Kế toán Chủ tài khoản

NGÂN HÀNG A

Ghi sổ ngày:

Kế toán Tr- ởng phòng kế toán

NGÂN HÀNG B

Ghi sổ ngày:

Kế toán Tr- ởng phòng kế toán

Biểu 2.11: Trích nguồn số liệu Ban kế toán Xí nghiệp 7

Ngân hàng TMCP Quân đội
Hải Phòng

MST KH:01001089840041
MST NH:0100283873-004

PHIẾU BÁO NỢ

Ngày 09/12/2009

Mã giao dịch: FT09343001007017

Nguyên tệ: VND

TK ghi nợ: 2511100037008

Du dau: 1.768.407.287

Xi Nghiep7-CTyXD319

Du cuoi: 1.762.087.587

TK ghi có: **VND-1625009990251**

Chuyen tien dien tu-CN Hai Phong

Số tiền bằng chữ:

So tien: 6.308.700

Sau triệu ba trăm linh chín nghìn

Phi: 10.000

bảy trăm Việt Nam đồng

VAT: 1.000

Tong tien: 6.319.700

Diễn giải: **Trả tiền mua báo quý 3/2009.**

Kế toán viên

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Biểu 2.12: Trích nguồn số liệu Ban kế toán Xi nghiệp 7

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ

Ghi có tài khoản 112

Tháng 12 năm 2009

Đvt: VND

Số ct	Ngày	Nội dung	Có 112	Ghi nợ các tài khoản				
				642	133	338	131	136
...
229	9/12	Ban TC trả tiền mua báo quý 3	6.308.700	6.308.700				
		NH thu phí chuyển tiền	11.000	10.000	1.000			
230	9/12	Đ/c Hàng XN 359 thanh toán Tien XDCT đường 353- Đồ Sơn	300.000.000			300.000.000		
	
		Cộng	692.534.611	6.318.700	15.042	300.000.000	67.720.172	315.360.422

Kế toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Kế toán trưởng

Biểu 2.13: Trích Bảng kê chứng từ tháng 12/2009

Công ty Xây Dựng 319
XÍ NGHIỆP 7

Mẫu số SO2b-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của bộ tr-ởng BTC

Tập số: 12

Số 343/ CT

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Nội dung	Nợ TK	Có TK	Số tiền
Chi TGNH phục vụ sản xuất tháng 12 năm 2009	131		67.720.172
	133		15.042
	136		315.360.422
	333		100.275
	338		300.000.000
	431		3.000.000
	642		6.338.700
		112	692.534.619

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ng-ời lập bảng kê
(Đã ký)

Tr-ởng ban tài chính
(Đã ký)

Biểu 2.14: Trích Chứng từ ghi sổ số 343/CT

Ví dụ 4 - Vào ngày 02/12/2009: Xí nghiệp 7 nhận được 2 lệnh chuyển có qua Thanh toán điện tử liên ngân hàng với người phát lệnh là:

- . Ban quản lý dự án khu vực Cát hải(biểu số 2.15)
- . Bộ tư lệnh Quân khu 3(biểu số 2.16)
- Căn cứ vào lệnh trên, kế toán lập Bange kê chứng từ ghi sổ(biểu số 2.17)
- Cuối tháng tổng hợp vào Chứng từ ghi sổ số 347 (biểu số 2.18)
- Vào sổ cái TK 112 (biểu số 2.19)

Thanh toán điện tử liên ngân hàng

LỆNH CHUYỂN CỐ

Mã KS: DTHT 2311

Số bút toán:

Loại giao dịch: Lệnh chuyển có giá trị thấp

Thời điểm TTXL:

Số hiệu giao dịch: 10000404

Ngày, giờ nhận:

Ngân hàng gửi: NHNo& PTNT CN TP Hai Phong

Mã NH:

Ngân hàng nhận: NH TMCP Quan doi CN Hai Phong

Mã NH:

Người phát lệnh: Ban quản lý dự án khu vực Cát Hải

Địa chỉ/số CMND:

Tài khoản: 0

Tại NH: 31204001 - NHNo & PTNT CN TP Hai Phong

Người nhận lệnh: Xí nghiệp 7 - Công ty xây dựng 319

Địa chỉ/ số CMDN:

Tài khoản : 2511100037008

Tại NH: 31311001 - NH TMCP Quan doi CN Hai Phong

Chương - Loại - Khoản - Hạng mục:

Nội dung: Thanh toán tiền xây dựng công trình: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật tuyến II núi 1 TT cát bà - Cát hải (Giai đoạn 2) = 249.822.000đ(Giai đoạn 3) = 186.906.000đ.

Số tiền bằng số: 436.728.000

Số tiền bằng chữ: Bốn trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng.

KẾ TOÁN

KIỂM SOÁT

CHỦ TÀI KHOẢN

Biểu 2.15: Trích nguồn số liệu Ban kế toán Xí nghiệp 7

Thanh toán điện tử liên ngân hàng		
LỆNH CHUYỂN CỐ		
Mã KS: NTKL3102		Số bút toán:
Loại giao dịch: Lệnh chuyển có giá trị cao		Thời điểm TTXL:
Số hiệu giao dịch: 10000016		Ngày, giờ nhận:
Ngân hàng gửi: THTMCP Cong thuong CN Kien An		Mã NH:
Ngân hàng nhận: NH TMCP Quan doi CN Hai Phong		Mã NH:
Người phát lệnh: BO TU LENH QK3		
Địa chỉ/số CMND:		
Tài khoản: VND0000000000502001703		Tại NH: 31204001 - NHNo & PTNT CN TP Hai Phong
Người nhận lệnh: Xí nghiệp 7 - Công ty xây dựng 319		
Địa chỉ/ số CMDN:		
Tài khoản : 2511100037008		Tại NH: 31311001 - NH TMCP Quan doi CN Hai Phong
Chương - Loại - Khoản - Hạng mục:		
Nội dung: Trả tiền xây dựng cơ bản theo HD so 68/ 2009/HD- XD N18/08/09		
Số tiền bằng số: 3.000.000.000		
Số tiền bằng chữ: Ba tỉ đồng.		
KẾ TOÁN	KIỂM SOÁT	CHỦ TÀI KHOẢN

Biểu 2.16: Trích nguồn số liệu Ban kế toán Xí nghiệp 7

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ
Ghi có tài khoản 131
Tháng 12 năm 2009

Đvt: VND

Số ct	Ngày	Nội dung	Ghi có TK 131	Ghi nợ TK 112
...
103	2/12	Ban quản lý dự án Cát hải trả XDCT khu núi Cát bà(GD2): 249.822.000; GD3: 186.906.000	436.728.000	436.728.000
104	2/12	Bộ tư lệnh QK3 trả XDCT Nhà làm việc cơ quan Quân khu	3.000.000.000	3.000.000.000
			
119	31/12	Đoàn 273 trả XDCT trạm sửa chữa tàu thuyền(GT1- GD2)	1.009.666.000	1.009.666.000
		Cộng	14.617.183.000	14.617.183.000

Kế toán

kế toán trưởng

Biểu 2.17: Trích Bảng kê chứng từ tháng 12/2009

Công ty Xây Dựng 319
XÍ NGHIỆP 7

Mẫu số SO2 DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của bộ tr- ờng BTC

Tập số: 04

Số 347/CT

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Nội dung	Nợ TK	Có TK	Số tiền
Khách hàng trả tiền xây dựng công trình tháng 12/ 2009	111		172.721.900
	112		14.617.183.000
			131

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ng- ời lập bảng kê
(Đã ký)

Tr- ờng ban tài chính
(Đã ký)

Biểu 2.18: Trích Chứng từ ghi sổ số 347/ CT

Công ty Xây dựng 319
Xí nghiệp 7

Mẫu số S02c1 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TK 112
Tiền gửi ngân hàng
Năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Dư đầu kỳ		294.858.345	
			Phát sinh trong tháng			
					
31/12	343	31/12	Phải thu khách hàng	131	67.720.712	
			Thuế GTGT được KT	133	15.042	
			Phải thu nội bộ	136	315.360.422	
			Thuế phải nộp	333	100.275	
			Phải nộp khác	338	300.000.000	
			Quỹ phúc lợi	431	3.000.000	
				642	6.338.700	
			Chi quản lý			
31/12	347	31/12	Khách hàng trả tiền xây dựng công trình	131		14.617.183.000
			Cộng		14.646.861.243	12.200.113.867
			Dư cuối kỳ		2.732.235.212	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.19: Trích Sổ cái TK112 tháng 12/2009

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN

CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI XÍ NGHIỆP 7 – CÔNG TY XÂY DỰNG 319

3.1. Đánh giá chung về công tác vốn bằng tiền tại xí nghiệp 7- công ty xây dựng 319.

Xí nghiệp 7- công ty xây dựng 319 trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh đã trải qua biết bao khó khăn, thử thách để tồn tại, cạnh tranh và phát triển. Với vị thế vừa có tư cách pháp nhân trong hoạt động kinh doanh, vừa có tư cách pháp nhân trong hoạt động quân sự, là một doanh nghiệp kinh tế quốc phòng hoạt động kinh tế với mục đích: Duy trì và phát triển lực lượng, bảo đảm việc làm và đời sống cho cán bộ chiến sĩ, công nhân viên chức quốc phòng theo các chế độ hiện hành của nhà nước trong quân đội. Kể từ khi thành lập đến nay, xí nghiệp luôn nhận được sự giúp đỡ, quan tâm của Bộ quốc phòng giúp cho công việc quân sự và sản xuất kinh doanh của xí nghiệp ngày càng được củng cố và nâng cao. Trong quá trình tồn tại và phát triển, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, ban giám đốc, cũng như sự góp sức của toàn thể cán bộ công nhân viên trong xí nghiệp. Xí nghiệp 7- công ty xây dựng 319 đã có những bước chuyển mình đáng kể, vững bước đi trên con đường đã chọn. Đóng góp vào thành công chung đó không thể không kể đến sự cố gắng nỗ lực của các nhân viên kế toán tài chính trong công tác kế toán nói chung và kế toán vốn bằng tiền nói riêng góp phần quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.

Sau thời gian thực tập tại xí nghiệp 7- công ty xây dựng 319, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại xí nghiệp có những ưu điểm và nhược điểm sau.

3.1.1. Ưu điểm.

*** Về tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh**

- Xí nghiệp 7- công ty xây dựng 319 là một doanh nghiệp có đủ tư cách pháp nhân, xí nghiệp có kế hoạch ngày càng mở rộng quy mô, phạm vi hoạt động và thị trường kinh doanh. Kể từ ngày thành lập xí nghiệp luôn đạt hiệu quả năm sau cao hơn năm trước, đảm bảo thu nhập của cán bộ công nhân viên ổn định và ngày càng tăng. Đồng thời thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước đầy đủ. Điều đó đã khẳng định vai trò và vị thế của xí nghiệp trên toàn thành phố.

- Cơ cấu tổ chức có vai trò rất quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của xí nghiệp, một cơ cấu tổ chức hợp lý, khoa học và gọn nhẹ, phân công cụ thể quyền hành và trách nhiệm rõ ràng sẽ tạo nên một môi trường làm việc hiệu quả, thuận lợi cho mỗi cá nhân nói riêng và mỗi bộ phận nói chung.

Để điều hành quá trình sản xuất kinh doanh, đảm bảo cho sản xuất diễn ra liên tục và có hiệu quả, đối phó được với những biến động thị trường, xí nghiệp đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động thực sự hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời và nhanh chóng.

*** Về tổ chức bộ máy kế toán.**

- Hạch toán kế toán giữ vai trò quan trọng trong việc điều hành và quản lý sản xuất kinh doanh, là công cụ hữu hiệu trong việc kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh tế tài chính trong đơn vị cơ sở cũng như toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

- Xí nghiệp 7- công ty xây dựng 319 có địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh rộng khắp, với nhiều công trình xây dựng . Do đó xí nghiệp tổ chức kế toán theo hình thức phân tán và tập trung, việc lựa chọn hình thức tổ chức kế toán này là hợp lý bởi: xí nghiệp kinh doanh trong nhiều lĩnh vực, số lượng nghiệp vụ diễn ra nhiều và với quy mô lớn nhưng cơ cấu tổ chức của ban tài chính kế toán rất gọn nhẹ, chặt chẽ, vừa giảm bớt được khối lượng công việc tại các đội xây dựng và đội mộc mà vẫn kiểm tra đối chiếu được tình hình phát sinh các nghiệp vụ kinh tế, lại có tác dụng đảm bảo sự lãnh đạo của xí nghiệp.

- Đội ngũ nhân viên kế toán có nhiều kinh nghiệm trong thực tế hạch toán kế toán của Doanh nghiệp.

- Ban lãnh đạo xí nghiệp rất chú trọng tới vấn đề nâng cao công tác kế toán. Thường xuyên tạo điều kiện cử cán bộ phòng kế toán đi học các lớp bồi dưỡng đào tạo nghiệp vụ kế toán như: được mời đến các lớp bồi dưỡng đào tạo nghiệp vụ kế toán do Cục thuế Hải Phòng tổ chức, các lớp nâng cao nghiệp vụ... Thường xuyên cập nhật các thông tư, quyết định mới của Bộ tài chính và vận dụng những thông tư quyết định mới này vào công tác kế toán

- Công tác tài chính kế toán: thực hiện lập và báo cáo đầy đủ, đúng hạn. Giám sát và quản lý các chi phí phát sinh đảm bảo đúng luật pháp và quy định của xí nghiệp.

- Tổ chức hình thức ghi sổ kế toán: xí nghiệp áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ đảm bảo thực hiện thống nhất từ các đội xây dựng đến văn phòng xí nghiệp đều sử dụng hình thức ghi sổ kế toán trên.

- Việc áp dụng các chuẩn mực kế toán: Tương đối linh hoạt và phù hợp với doanh nghiệp, phù hợp với yêu cầu quản lý; chế độ kế toán hiện hành. Chấp hành kịp thời các chế độ, qui định liên quan đến kế toán tài chính.

- Trong công tác tổ chức kế toán: Với phạm vi hoạt động rộng, việc xí nghiệp lựa chọn hình thức tổ chức công tác kế toán vừa tập trung, vừa phân tán là phù hợp, cho phép giảm bớt công việc tập trung vào ban tài chính của xí nghiệp.

- Trong công tác tổ chức hệ thống chứng từ và sổ kế toán: Việc lựa chọn và áp dụng hình thức kế toán “Chứng từ ghi sổ” phù hợp với qui mô hoạt động của doanh nghiệp. Nếu với hình thức Nhật ký chung, đòi hỏi kế toán phải vào sổ thường xuyên, hàng ngày thì hình thức “chứng từ ghi sổ” cho phép kế toán ghi chép các nghiệp vụ phát sinh trong nhiều ngày liên tục với điều kiện phát sinh cùng 1 bên trên cùng một tài khoản.

- Với đặc điểm là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực xây dựng có các đội xây dựng trên những địa bàn khác nhau do vậy chứng từ kế toán và số liệu kế toán không thể chuyển về văn phòng xí nghiệp hàng ngày được, do đó việc áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ là phù hợp. Sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

thì hàng ngày kế toán tại các đội tập hợp các chứng từ kế toán vào bảng tổng hợp chứng từ cùng loại, sau đó vào Chứng từ ghi sổ. Với cách ghi sổ này có thể định kỳ là 10 hoặc 15 ngày kế toán lại thu thập các chứng từ ghi sổ kèm theo chứng từ gốc của các đơn vị, xí nghiệp về phòng kế toán của xí nghiệp. Tại đây kế toán vào sổ cái các tài khoản cho toàn xí nghiệp. Như vậy sẽ đảm bảo được khối lượng công việc phân bổ đều và ban kế toán có thể theo dõi thường xuyên số liệu các đội xây dựng toàn xí nghiệp.

*** Về tổ chức kế toán vốn bằng tiền.**

- Hệ thống chứng từ kế toán: việc quản lý chứng từ gốc về các khoản thu, chi đảm bảo đúng nguyên tắc. Các phiếu thu, chi được đóng thành sổ theo từng tháng. Có bảng kê theo dõi chi tiết tới từng đối tượng về các khoản vay Ngân hàng.

- Công tác kế toán vốn bằng tiền: việc theo dõi, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tiến hành đầy đủ và kịp thời. Cuối mỗi quý kế toán đều thực hiện việc kiểm kê quỹ và đối chiếu số dư nhằm phát hiện những sai sót, hạn chế việc gian lận trong quản lý tiền mặt.

- Vốn bằng tiền là loại tài sản đặc biệt nó là vật ngang giá chung do vậy trong quá trình quản lý rất dễ xảy tham ô lãng phí nhận thức được điều đó để quản lý chặt chẽ vốn bằng tiền công ty đã thực hiện được:

+ Tiền mặt được bảo quản trong két an toàn, chống mất trộm, chống cháy, chống mối xông, việc giữ gìn và bảo quản tiền mặt trong két được đảm bảo tính an toàn cao. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật hàng ngày nên thông tin kinh tế mang tính liên tục và chính xác. Công tác kế toán tổng hợp được đơn giản hoá tới mức tối đa, cho phép ghi chép kịp thời một cách tổng hợp những hiện tượng kinh tế có liên quan đến tình trạng biến động của vốn bằng tiền.

+ Mọi biến động của vốn bằng tiền làm đầy đủ thủ tục và phải có chứng từ hợp lý, hợp pháp, hợp lệ.

+ Việc sử dụng chi tiêu vốn bằng tiền đúng mục đích, đúng chế độ.

- Xí nghiệp tiền hành quản lý một cách chặt chẽ tiền mặt tại quỹ, thường xuyên kiểm tra tài khoản tại ngân hàng, Công tác vốn bằng tiền được quản lý chặt chẽ, thông tin kịp thời, chính xác các nghiệp vụ thu, chi tại quỹ. Vào sổ sách theo đúng trình tự các chứng từ sử dụng đúng theo mẫu quy định của bộ tài chính ban hành.

- Đối với tiền gửi Ngân hàng, kế toán liên hệ chặt chẽ và có quan hệ tốt với ngân hàng. Tập hợp theo dõi đầy đủ các chứng từ và đối chiếu với Ngân hàng.

Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi sự biến động của vốn bằng tiền hoàn toàn tuân thủ theo quy định của chế độ kế toán do Nhà nước ban hành và đã được chi tiết cho từng loại tiền. Sự chi tiết đó đã cho phép ban lãnh đạo nắm bắt được những số liệu cụ thể và chi tiết của vốn bằng tiền, từ đó có thể ra các quyết định một cách chính xác và hợp lý.

3.1.2 . Nhược điểm.

Bên cạnh những ưu điểm trên thì công tác tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại xí nghiệp 7- công ty xây dựng 319 còn tồn tại những nhược điểm sau:

*** Về sổ kế toán tổng hợp**

- Một mẫu sổ rất đặc trưng và quan trọng của hình thức Chứng từ ghi sổ là Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ nhưng lại không được xí nghiệp sử dụng. Trong khi đó vì xí nghiệp sử dụng hình thức vừa phân tán vừa tập trung nên các nghiệp vụ không thể tập hợp từng ngày được nên khả năng mất tờ chứng từ ghi sổ rất cao lại không dùng Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ nên việc kiểm tra đối chiếu là rất khó khăn.

*** Về báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

- Hiện nay công ty không có báo cáo lưu chuyển tiền tệ là một báo cáo tài chính phản ánh các khoản thu và chi tiền trong kỳ của doanh nghiệp theo từng hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính. Thông qua nó chủ doanh nghiệp có thể xem xét được tình hình lượng tiền hoạt động, nhà quản lý cũng có thể thấy trước được khả năng thanh toán trong kỳ hoạt động tới... Vì sự quan trọng đó mà hầu hết các doanh nghiệp đều lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

*** Về việc thanh toán qua ngân hàng.**

- Hiện tại các nghiệp vụ thanh toán xí nghiệp còn sử dụng nhiều tiền mặt mà vẫn chưa sử dụng nhiều chuyển khoản. Điều này khiến tiền mặt tại quỹ tồn rất lớn khiến ứ đọng vốn mất mát nguy hiểm cho quỹ.

Hiện nay việc giữ tiền mặt tại quỹ còn được sử dụng nhiều như thế sẽ gây ứ đọng vốn nhất là trong thời kỳ lạm phát cao như thời điểm hiện tại. Thay đổi cách thức phân phối, quản lý vốn bằng tiền theo hướng đề cao vai trò thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán qua Ngân hàng. Gửi tiền Ngân hàng cũng là cách đầu tư với vốn nhàn rỗi khi chưa đưa vào sản xuất.

- Xí nghiệp hiện trả lương theo phương pháp truyền thống trong khi các doanh nghiệp đã có thay đổi sang trả lương qua thẻ ATM rất thuận tiện và giảm áp lực cho thủ quỹ rất nhiều.

*** Về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi**

- Trong xu thế kinh doanh hiện nay, giao dịch thương mại với bạn hàng có thể họ sòng phẳng thanh toán tiền hàng cho doanh nghiệp nhưng cũng có trường hợp đối tác chưa thanh toán ngay, hay khi đến hết hạn nợ mà vẫn chưa trả. Tuy nhiên, kế toán xí nghiệp không tiến hành trích khoản dự phòng phải thu khó đòi, điều này ảnh hưởng không nhỏ tới việc thu hồi vốn của doanh nghiệp. Dùng TK 139 “Dự phòng phải thu khó đòi” để phản ánh tình hình trích lập, sử dụng và hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi hoặc có khả năng không đòi được vào cuối niên độ kế toán

*** Một số nhược điểm khác**

Về áp dụng công nghệ tin học:

- Mặc dù công ty có quy mô khá rộng lớn, nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều nhưng việc áp dụng khoa học kỹ thuật trong công tác kế toán vẫn chưa được áp dụng triệt để. Hiện tại xí nghiệp chưa có phần mềm kế toán làm khối lượng công việc làm là rất lớn nhất là vào cuối tháng cuối kỳ kế toán

Về việc quản lý quỹ tiền mặt:

- Lượng tiền nhập xuất quỹ hàng ngày ở xí nghiệp là khá lớn, việc kiểm tra thường xuyên quỹ tiền mặt sẽ hạn chế những sai sót nhầm lẫn hoặc các hành vi gian lận trong quản lý quỹ tiền mặt. Tuy nhiên xí nghiệp chỉ định kỳ kiểm kê quỹ vào cuối năm nên chưa phản ánh được chính xác chất lượng của công tác kế toán quỹ.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp 7- Công ty xây dựng 319.

Trong khoảng thời gian ngắn được Nhà trường giao nhiệm vụ thực tập tại Ban tài chính- Xí nghiệp 7- Công ty xây dựng 319, em đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình và tận tâm của các thầy cô và các cán bộ trong xí nghiệp nhất là các cô chú trong ban kế toán. Đã giúp em hoàn thiện hơn kiến thức, có cách nhìn đúng đắn hơn về công tác kế toán trong thực tế. Với tư cách là một sinh viên thực tập, em xin mạnh dạn đưa ra một vài ý kiến đề xuất nhằm giúp cho tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền được hoàn thiện hơn, qua đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của xí nghiệp.

3.2.1 Hoàn thiện về hệ thống sổ:

- Do xí nghiệp sử dụng phương pháp tổ chức hạch toán kế toán là vừa phân tán vừa tập trung nên các nghiệp vụ không thể theo dõi hàng ngày được. Và trong công tác kế toán xí nghiệp cần phải ghi thêm Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ do Chứng từ ghi sổ là tờ rời sẽ phải qua nhiều đơn vị xí nghiệp qua tay nhiều người nên khả năng mất là hoàn toàn có thể xảy ra.

Khi kế toán lập xong các chứng từ ghi sổ sẽ ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó mới vào sổ cái tài khoản sẽ giúp việc đối chiếu dễ dàng hơn. Sau đây là mẫu Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ hiện hành:

Địa chỉ:.....

Mẫu số: S02a- DN

Theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm:.....

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
A	B	1	A	B	1
Cộng tháng			Cộng tháng		
Cộng lũy kế từ đầu quý			Cộng lũy kế từ đầu quý		

Ngày mở sổ:.....

Ngày.....tháng.....năm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ví dụ như từ các chứng từ ghi sổ 335/ CT và 347/ CT của phần tiền mặt tại quỹ tại xí nghiệp 7, trước khi vào Sổ cái kế toán tiến hành vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ như sau:

Địa chỉ:.....

Mẫu số: S02a- DN

Theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm:.....

Chứng từ ghi sổ		Số tiền	Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng		Số hiệu	Ngày tháng	
A	B	1	A	B	1
.....					
335/ CT	31/ 12	452.554.569			
.....			
347/ CT	31/ 12	172.721.900			
.....			

Ngày.....tháng.....năm

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

3.2.2. Hoàn thiện về hệ thống BCLCTC:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN) (BCLCTT) một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính là chuẩn mực số 24 trong nhóm chuẩn mực kế toán cung cấp thông tin giúp người sử dụng đánh giá các thay đổi trong tài sản thuần, cơ cấu tài chính, khả năng chuyển đổi của tài sản thành tiền, khả năng thanh toán và khả năng của DN trong việc tạo ra các luồng tiền trong quá trình hoạt động. Việc lập BCLCTT là hoàn toàn cần thiết vì nó sẽ cung cấp thông tin được đầy đủ hơn về tình hình tài chính của DN.

BCLCTT phản ánh việc hình thành và sử dụng lượng tiền phát sinh trong kỳ báo cáo của doanh nghiệp. Thông tin phản ánh trong bảng cung cấp cho các đối tượng sử dụng thông tin có cơ sở để đánh giá khả năng tạo ra tiền và việc sử dụng những khoản tiền đã tạo ra trong các hoạt động của doanh nghiệp. Cụ thể:

- + Cung cấp thông tin để đánh giá khả năng tạo ra các khoản tiền, các khoản tương đương tiền và nhu cầu của doanh nghiệp trong việc sử dụng các khoản tiền.

- + Đánh giá, phân tích thời gian cũng như mức độ chắc chắn của việc tạo ra các khoản tiền.

- + Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động kinh doanh, đầu tư và tài chính của doanh nghiệp đối với tình hình tài chính.

- + Cung cấp thông tin để đánh giá khả năng thanh toán và xác định nhu cầu về tiền của doanh nghiệp trong kỳ hoạt động tiếp theo.

- Nội dung, kết cấu của BCLCTT gồm 3 phần:

- + Lưu chuyển tiền từ HĐKD

- + Phần lưu chuyển từ hoạt động đầu tư

- + Phần lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

- Phương pháp lập:

Có thể sử dụng 1 trong 2 phương pháp lập trực tiếp và lập gián tiếp. Hai phương pháp cơ bản chỉ dùng để xác định lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh, còn hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính chỉ sử dụng 1 phương pháp trực tiếp. Nội dung của phương pháp trực tiếp được lập bằng cách phân tích và xác

định các khoản thực thu, thực chi trong kỳ theo các ghi chép của kế toán. Nội dung của phương pháp gián tiếp các luồng tiền vào và luồng tiền ra từ hoạt động kinh doanh được tính và xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả HĐKD khỏi ảnh hưởng của các khoản mục không phải bằng tiền, các khoản mà ảnh hưởng về tiền của chúng là luồng tiền từ hoạt động đầu tư...

Đơn vị báo cáo:.....

Mẫu số B 03 – DN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp) ()*

Năm....

Đơn vị tính:

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01			
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02			
3. Tiền chi trả cho người lao động	03			
4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06			
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20			
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30			
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			

3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	VII.34		

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Đơn vị báo cáo:.....

Mẫu số B 03 – DN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp) ()*

Năm.....

Đơn vị tính:

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01			
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02			
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05			
- Chi phí lãi vay	06			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08			
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09			
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11			
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12			
- Tiền lãi vay đã trả	13			
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14			
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20			
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			

2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30			
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	31		

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

3.2.3. Hoàn thiện về việc thanh toán qua ngân hàng.

- Xí nghiệp đã mở tài khoản tại Ngân hàng tuy nhiên chưa sử dụng triệt để những lợi ích mà Ngân hàng mang lại khi cần thanh toán tiền hàng hay chuyển tiền của Công ty khác vào tài khoản để tiến hành giao dịch. Trong thời kỳ lạm phát như hiện nay thì giữ tiền mặt không phải là cách còn phù hợp nữa nhất là khi gửi tiền ngân hàng cũng là cách đầu tư. Với công nghệ hiện đại tiên tiến việc thanh toán qua hệ thống Ngân hàng rất dễ dàng nhanh chóng, gọn nhẹ thuận lợi. Hiện nay các doanh nghiệp đều có tài khoản riêng tại Ngân hàng nhất định nên việc thanh toán qua Ngân hàng rất thuận tiện. Việc giữ một lượng tiền tại quỹ và giao dịch chủ yếu bằng tiền mặt có thể gây mất thời gian và gây gian lận mất cắp trong quá trình vận chuyển không an toàn. Do vậy theo em xí nghiệp nên tăng cường việc thanh toán giao dịch bằng chuyển khoản, giảm bớt thanh toán bằng tiền mặt, chỉ dùng tiền mặt thanh toán các khoản chi nhỏ.

- Ngày nay việc kinh doanh buôn bán không chỉ bó gọn trong nước mà các Doanh nghiệp còn vươn ra thị trường thế giới vì vậy điều này rất có thể làm hạn chế rất nhiều trong việc giao dịch và thanh toán.

- Mặt khác xí nghiệp nên sử dụng thẻ ATM để trả lương cho công nhân viên nhằm giảm được áp lực cho thủ quỹ và kế toán tiền lương tránh được nhầm lẫn, sai sót đáng tiếc và tiền mặt được bảo đảm an toàn hơn.

3.2.4. Hoàn thiện về trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

- Do tình hình thực tế của xí nghiệp hiện nay cũng do tình hình kinh tế thế giới nên các doanh nghiệp làm ăn với xí nghiệp không trả tiền hàng đúng hạn công ty cần trích lập khoản Dự phòng phải thu khó đòi để không làm ảnh hưởng đến việc thu hồi vốn của xí nghiệp. Để dự phòng những tổn thất về các khoản phải thu khó đòi có thể xảy ra, bảo đảm phù hợp giữa doanh thu và chi phí trong kỳ, cuối mỗi niên độ, kế toán công ty phải dự tính số nợ có khả năng khó đòi để lập dự phòng. Các khoản nợ phải thu khó đòi phải có tên, địa chỉ, nội dung từng khoản nợ, số tiền phải thu của từng con nợ, trong đó ghi rõ số nợ phải thu khó đòi.

Theo thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 26/12/2009 về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

*Điều kiện: các khoản nợ phải thu khó đòi đảm bảo các điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng ...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

* Phương pháp lập dự phòng:

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết ... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

- Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 139 chi tiết theo từng đối tượng.

Bên nợ: Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

: Xoá các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Bên có: Số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí SXKD.

Số dư bên có: Số dư phòng nợ phải thu khó đòi hiện còn cuối kỳ.

*** Một số giải pháp khác nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Xí nghiệp 7**

• Hoàn thiện về áp dụng công nghệ tin học.

Hiện nay xí nghiệp đã sử dụng máy vi tính để lưu trữ số liệu và sổ sách nhưng vẫn chỉ là thực hiện phần mềm thông thường như: Word, Excel chứ chưa có một phần mềm riêng biệt để phục vụ công tác kế toán nên doanh nghiệp vẫn chưa thực sự phát huy hết vai trò của máy tính trong công tác hạch toán kế toán, chưa tiết kiệm được lao động của nhân viên kế toán và thời gian lập, ghi chép, tổng hợp số liệu và chuyển sổ. Nhất là vào cuối kỳ kế toán, khối lượng công việc là tương đối lớn, nhân viên kế toán phải làm thêm giờ, nếu không có phần mềm xử lý thì rất dễ xảy ra sai sót đáng tiếc.

- Thời đại công nghệ thông tin có nhiều tiện ích phục vụ cho công việc của kế toán. Như việc cần phải áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán tại xí nghiệp để việc hạch toán được thuận lợi hơn và đạt hiệu quả cao hơn tiết kiệm được lao động của nhân viên kế toán và thời gian lập, ghi chép, tổng hợp số liệu và chuyển sổ. Qua tìm hiểu thực tế em nhận thấy một số phần mềm thông dụng hay được dùng nhất hiện nay là “MetaData Accounting”, “Misa”, “S-Accounting”, “Sas Innova 6.8” hoặc EFFECT...các phần mềm này dễ sử dụng và hỗ trợ rất nhiều cho công việc của kế toán. Em được biết các trường đào tạo kế toán hiện này đều cho môn kế toán máy vào chương trình nên việc tiếp cận phần mềm kế toán sẽ không gặp nhiều khó khăn. Nếu không trước khi chuyển giao phần mềm kế toán thì các công ty đều có các hướng dẫn cụ thể để việc sử dụng dễ dàng hơn.

Em xin phép được đưa ra một vài địa chỉ để xí nghiệp có thể tham khảo và lựa chọn để cài đặt phần mềm kế toán áp dụng. Vì đây là những công ty uy tín và nhất là có vị trí địa lý tương đối gần trụ sở của xí nghiệp.

❖ **Công ty TNHH dịch vụ thương mại và công nghệ ST&T**

Địa chỉ: 133 Nguyễn Tuân- Thanh Xuân- Hà Nội

ĐT: (84.4) 73.056.818 Fax: (84.4) 62.852.473

E-mail: company@vnstt.net

❖ **Công ty cổ phần Misa: văn phòng đại diện tại Hà Nội**

Khách sạn La Thành: 218 Đội Cấn- Q.Ba Đình- Hà Nội.

Điện thoại: 04-3762 Fax: 04-3962 9746

E-mail: sales@misa.com.vn

❖ **Công ty cổ phần phần mềm kế toán BRAVO:**

Trụ sở: Số 48 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

ĐT: 04-776 2472, Fax: 04-776 2470

E-mail: bravo@fpt.vn

❖ **Công ty cổ phần công nghệ Vĩnh Hưng:**

Địa chỉ : Số 69- Khu tập thể Tổng Cục chính trị- Phố Trung Kính- P.Yên Hoà-Q.Cầu Giấy- HN

* Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

- Hàng ngày, kế toán lập căn cứ vào chứng từ hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, xác định tài khoản Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

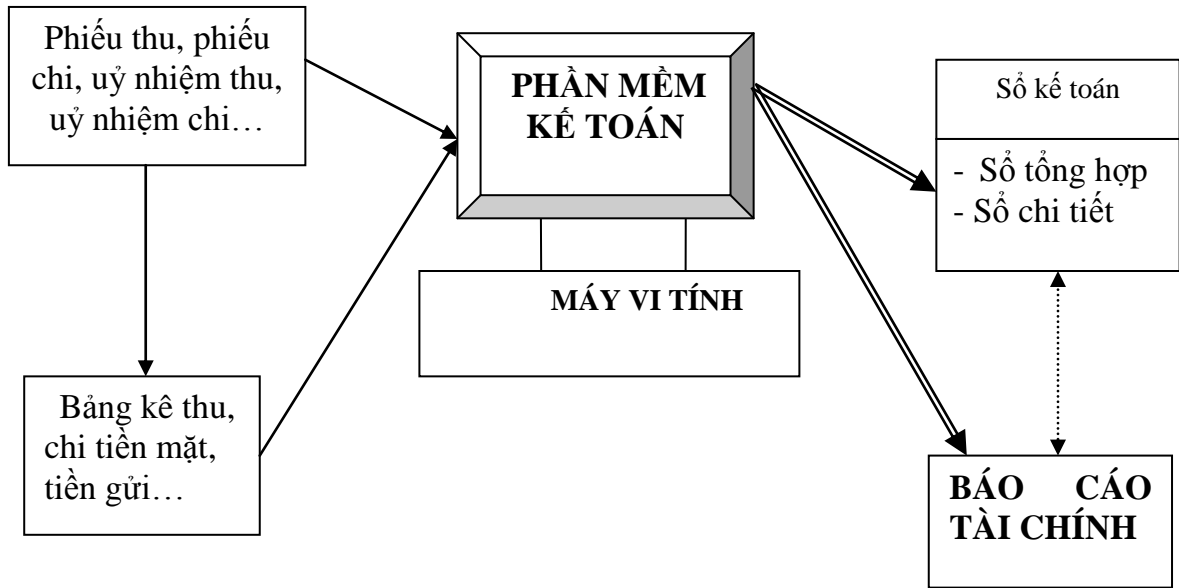
- Theo quy định của phần mềm kế toán, các thông tin được nhập vào máy theo từng chứng từ và tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán có liên quan.

- Cuối tháng (hoặc vào bất kỳ thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được

nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa kỳ kế toán với báo cáo tài chính sau khi in ra giấy.

- Cuối kỳ kế toán sổ kế toán được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các pháp lý theo quy định.

Trình tự ghi sổ theo hình thức kế toán trên máy vi tính được thực hiện theo sơ đồ



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày —————→
- In sổ, báo cáo cuối tháng ══════════→
- Đối chiếu, kiểm tra ←.....→

Bên cạnh đó xí nghiệp nên thực hiện việc đầu tư đổi mới máy móc thiết bị hiện đại, đào tạo và hướng dẫn cho đội ngũ cán bộ kế toán sử dụng thành thạo các bút toán đã cài đặt trên máy vi tính. Đồng thời xí nghiệp phải quan tâm hơn nữa tới việc đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ cho các nhân viên kế toán để nâng cao trình độ nghiệp vụ, nhằm đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán trong thời đại mới.

- **Hoàn thiện về quản lý tiền mặt tại quỹ.**

Về việc quản lý, kiểm kê quỹ tiền mặt: Việc quản lý tiền tệ có tầm trọng và cần thiết đối với mỗi doanh nghiệp. Do vậy phải tiến hành việc kiểm quỹ cho từng loại tiền loại trong quỹ doanh nghiệp để biết số tiền thực tế có trong quỹ và số tiền

ghi sổ tại thời điểm kiểm kê quỹ. Việc kiểm kê nên được tiến hành định kỳ vào cuối tháng, cuối quý hoặc cuối năm cũng có thể khi cần thiết có thể kiểm kê quỹ đột xuất hoặc khi bàn giao quỹ. Khi tiến hành kiểm kê phải lập bảng kiểm kê trong đó thủ quỹ và kế toán thanh toán, kế toán trưởng là các thành viên. Bảng kiểm kê phải ghi rõ số hiệu chứng từ và thời điểm kê (... giờ... ngày...). Trước khi kiểm kê quỹ thủ quỹ phải ghi sổ quỹ tất cả các phiếu thu, phiếu chi và số dư tồn quỹ đến thời điểm kiểm kê.

Khi tiến hành kiểm kê quỹ phải kê từng loại tiền có trong quỹ và khi có sự chênh lệch phải ghi rõ nguyên nhân gây ra sự thừa thiếu và phải có báo cáo với Giám đốc xí nghiệp để có biện pháp xử lý kịp thời.

Việc quản lý quỹ tiền tệ có tác dụng giúp cho nhà ban giám đốc nắm bắt được số tiền tồn quỹ thực tế, số tiền thừa thiếu so với sổ quỹ tại thời điểm kiểm kê. Từ đó có biện pháp tốt hơn trong việc quản lý tăng cường quản lý quỹ nếu thừa hay thiếu số tiền thực tế trong quỹ làm cơ sở quy trách nhiệm vật chất, ghi sổ chênh lệch để kế toán viên giúp kinh nghiệm.

Vì thế nên kiểm kê quỹ thường xuyên điều đó sẽ giúp công ty xác định được lượng tiền tồn tại quỹ để có giải pháp thu hồi nợ hoặc thanh toán tiền hàng. Đồng thời nên sử dụng bảng kê quỹ theo quy định của chế độ kế toán mới sau

Đơn vị:.....

Mẫu số: 08A-TT

Bộ phận:.....

(Ban hành theo QĐ số

BẢNG KIỂM KÊ QUỸ

(Dùng cho VNĐ)

Số:.....

Hôm nay, vào.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

Chúng tôi gồm:

-Ông/Bà:.....đại diện kế toán.

-Ông/Bà:.....đại diện thủ quỹ.

-Ông/Bà:.....đại diện.....

Cùng tiền hành kiểm kê quỹ tiền mặt kết quả thu được như sau:

STT	Diễn giải	Số lượng (tờ)	Số tiền
A	B	1	2
I	Số dư theo sổ quỹ	x
II	Số kiểm kê thực tế	x	
1	Trong đó: Loại		
2	Loại		
3	Loại		
4	Loại		
III	Chênh lệch (III=I-II)	x	

Lý do: + Thừa:.....

+ Thiếu:.....

Kết luận sau khi kiểm kê quỹ:.....

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người chịu trách nhiệm kiểm kê quỹ

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

KẾT LUẬN

Vốn bằng tiền là một trong những phần hành kế toán quan trọng trong hệ thống hạch toán kế toán tại các doanh nghiệp. Kế toán vốn bằng tiền theo dõi chi tiết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tiền tệ, quan tâm đến dòng tiền; nhằm cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác về nguồn vốn của doanh nghiệp. Từ đó có biện pháp thích hợp, kịp thời nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền tại doanh nghiệp.

Qua thời gian được Nhà trường giao nhiệm vụ được thực tập tại Xí nghiệp 7- Công ty xây dựng 319 đã giúp em tìm hiểu sâu hơn về công tác kế toán của xí nghiệp nói chung và tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng. Để hoàn thành bài khóa luận này em đã nhận được sự giúp đỡ, hỗ trợ, tạo mọi điều kiện của Ban giám đốc, của cán bộ, nhân viên các phòng ban đặc biệt là ban tài chính. Cùng sự giúp đỡ nhiệt tình, tận tâm của cô giáo hướng dẫn và các thầy cô giáo trong trường.

Tuy nhiên, với trình độ và năng lực có hạn, thời gian nghiên cứu để tìm hiểu đề tài hơi ngắn nên bài viết không thể tránh khỏi thiếu sót, khiếm khuyết. Em mong nhận được những ý kiến góp ý, chỉ bảo của Ban giám đốc, của ban Tài chính xí nghiệp và của các thầy cô giáo để em bổ sung, sửa đổi để cho bài khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1. Những vấn đề chung về vốn bằng tiền trong doanh nghiệp:.....	2
1.1.1. Khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ hạch toán vốn bằng tiền:	2
1.1.1.1. Khái niệm vốn bằng tiền:	2
1.1.1.2. Ý nghĩa và nhiệm vụ hạch toán vốn bằng tiền:	2
1.1.2. Những yêu cầu cơ bản để quản lý nội bộ vốn bằng tiền:	3
1.1.3. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền:	4
1.2. Tổ chức kế toán tiền mặt tại quỹ:	7
1.2.1. Nguyên tắc quản lý tiền mặt tại quỹ:.....	7
1.2.2. Chứng từ sử dụng:	7
1.2.3. Tài khoản sử dụng:	8
1.2.4. Phương pháp hạch toán:	9
1.2.4.1. Kế toán tiền mặt bằng tiền Việt Nam:.....	9
1.2.4.2. Kế toán tiền mặt bằng ngoại tệ.....	11
1.2.4.3. Kế toán tiền mặt bằng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.	15
1.3. Tổ chức kế toán tiền gửi ngân hàng:	17
1.3.1. Một số quy định trong việc hạch toán tiền gửi ngân hàng:	17
1.3.2. Chứng từ sử dụng:	18
1.3.3. Tài khoản sử dụng:	18
1.3.4. Phương pháp hạch toán:	19
1.3.4.1. Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng tiền Việt Nam Đồng	19
1.3.4.2. Kế toán tiền gửi Ngân hàng bằng ngoại tệ :.....	19
1.4. Tổ chức kế toán tiền đang chuyên:.....	22
1.4.1. Nội dung chủ yếu của kế toán tiền đang chuyên:.....	22
1.4.2. Chứng từ sử dụng:	22

1.4.3. Tài khoản sử dụng:	22
1.4.4. Phương pháp hạch toán:	23
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI XÍ NGHIỆP 7 – CÔNG TY XÂY DỰNG 319	25
2.1. Khái quát chung về Xí nghiệp 7- công ty xây dựng 319	25
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Xí nghiệp 7- công ty xây dựng 319.....	25
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp 7	27
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Xí nghiệp 7	27
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán của Xí nghiệp 7.	31
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại Xí nghiệp 7.	31
2.1.4.2. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán.	33
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán.....	33
2.1.4.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán.....	33
2.1.4.5. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán.	34
2.2. Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp 7	35
2.2.1. Tổ chức kế toán tiền mặt tại quỹ tại Xí nghiệp 7	35
2.2.1.1. Chứng từ sử dụng.	35
2.2.1.2. Tài khoản sử dụng	35
2.2.1.3. Quy trình hạch toán.	36
2.2.2. Tổ chức kế toán TGNH tại Xí nghiệp 7	48
2.2.2.1. Chứng từ sử dụng:	48
2.2.2.2. Tài khoản sử dụng:	48
2.2.2.3. Quy trình hạch toán.	48
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI XÍ NGHIỆP 7 – CÔNG TY XÂY DỰNG 319	62
3.1. Đánh giá chung về công tác vốn bằng tiền tại xí nghiệp 7- công ty xây dựng 319..	62
3.1.1. Ưu điểm.	63
3.1.2 . Nhược điểm.	66

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại Xí nghiệp 7- Công ty xây dựng 319.	68
3.2.1 Hoàn thiện về hệ thống sổ:	68
3.2.2. Hoàn thiện về hệ thống BCTC:	71
3.2.3. Hoàn thiện về việc thanh toán qua ngân hàng.	77
3.2.4. Hoàn thiện về trích lập dự phòng phải thu khó đòi.....	77
KẾT LUẬN	84